

Số: 5315 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng Trung tâm Khoa học
và Công nghệ Cao su Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị tại tờ trình số 1134/TT-DHBK-QLDADT ngày 17/10/2014 của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với các nội dung chính sau:

1.1. Tên Dự án: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Trung tâm Khoa học Công nghệ Cao su Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

1.2. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

1.3. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su với các nội dung:

- + Số tầng: 3 tầng
- + Cấp công trình: III
- + Bậc chịu lửa: bậc III
- + Diện tích xây dựng: 600 m²
- + Diện tích sàn: 1.800 m²
- + Diện tích khu đất: 1.129m².

1.4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

1.5. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 14.960.000.000 đồng.

1.6. Nguồn vốn đầu tư dự án: Vốn tự bổ sung của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2014-2016.

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội là chủ đầu tư để triển khai thực hiện quản lý dự án xây dựng công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su Trường Đại học Bách khoa Hà Nội theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Uỷ quyền cho Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu, quyết toán dự án hoàn thành công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Điều 4. Các Ông Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Phạm Vũ Luận (để b/c);
- Lưu: VT, Cục CSVCTBTH

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Mạnh Hùng

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo
năm học 2012 – 2013 Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/04/2012 của Bộ Tài chính
Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường
xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức
chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn
vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành kèm theo Quyết định số
58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn và
trách nhiệm của hiệu trưởng;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Thiết bị tại Tờ trình số 285./TTr-TB
ngày 24 tháng 9.. năm 2012 về việc Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng
đường phục vụ công tác đào tạo năm học 2012 – 2013 Trường Đại học Bách
khoa Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào
tạo năm học 2012 - 2013 Trường Đại học Bách khoa Hà, với nội dung cụ thể
như sau:

1. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ
công tác đào tạo năm học 2012 - 2013.
3. Nội dung đầu tư: Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo năm học 2012 -
2013 (Có phụ lục kèm theo).
4. Tổng mức đầu tư: 746.856.000 đồng Việt Nam.
(Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn
đồng)
5. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí Học phí.
6. Thời gian thực hiện từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2012.

Điều 2. Giao cho phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị liên quan có
trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH,TB.

HIỆU TRƯỞNG



GS. Nguyễn Trọng Giảng

Điều 1. Phê duyệt Đề xuất ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 23/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn của Ông Trưởng phòng Thiết bị tại Tờ trình số 25/TTr-TTg ngày 23/9/2010, năm 2010 về việc Phê duyệt Đề xuất mua sắm thiết bị phục vụ công tác đào tạo và công tác đào tạo năm học 2012 – 2013 Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề xuất mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo năm học 2012 – 2013 Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, với nội dung cụ thể như sau:

1. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo năm học 2012 - 2013.
3. Nguồn dùng đầu tư: Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo năm học 2012 - 2013 (Có phụ lục kèm theo)
4. Tổng mức đầu tư: 746.856.000 đồng Việt Nam

(TứLING: Bảy trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí Học phí

Điều 3. Thời gian thực hiện từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2012

Điều 4. Chia cho phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.

Số: 1245/QĐ-DHBK-TB

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2013”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số: 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Quyết định số 1245/QĐ-DHBK-TB ngày 30/7/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội về việc phê duyệt dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2013;

Quyết định số 1246/QĐ-DHBK-TB ngày 30/7/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Căn cứ Tờ trình số 217/TTr-TB ngày 14/8/2013 của Trưởng Phòng Thiết bị về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2013”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2013”, cụ thể như sau:

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2013.

- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước.

- Đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Công nghệ Khai Quốc.

- Tổng giá trúng thầu (Đã bao gồm thuế VAT và các loại thuế khác): 1.041.788.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói không điều chỉnh giá.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

Điều 2. Phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng Luật đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu, mua sắm thiết bị.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TB.



GS. Nguyễn Trọng Giảng

Số: 44/QĐ-ĐHBK-TB

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo
của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/04/2012 của Bộ Tài chính
Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn và trách nhiệm của hiệu trưởng;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Thiết bị tại Tờ trình số 44/TTr-TB ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2014, với nội dung cụ thể như sau:

1. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
2. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo năm 2014.
3. Nội dung đầu tư: Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo (Có dự toán chi tiết kèm theo).
4. Tổng mức đầu tư: 1.762.825.020 đồng Việt Nam.
(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn không trăm hai mươi đồng).
5. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí Học phí.
6. Thời gian thực hiện từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2014.

Điều 2. Giao cho phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH,TB.

HIỆU TRƯỞNG



GS. Nguyễn Trọng Giảng

Bảo hành: 12 tháng

Màn chiếu 3 chân Wox Leslie LT(D) 8454M

Kích thước màn chiếu: 2.13m x 2.13m

Cơm điện hộp: Hộp kim nhôm, nhẹ và bền

Chất liệu màn hình: Phù hợp chất liệu bát sênh tốt

Bảo hành: 12 tháng

4 Loa di động phục vụ giảng dạy V- PLUS ASII

Được dùng cho DVD từ xa loại mới, tương thích với VCD/CD/USB/MP4 và hỗ trợ BD

ICA 5.1 ngõ ra FM/AM, tự động chọn kênh và khả năng ghi nhớ tên tới 18 kênh.

Ghi cảm biến ra amply: Input jack: 6.5 wired microphone jack, Line input jack, RCA video

Độ nhạy đầu vào của micro: 10mV; Tần số đáp ứng từ 100Hz- 15KHz

Độ nhạy đầu vào của âm thanh: 50mV; Tần số đáp ứng từ 30Hz- 20KHz

Công suất tổng đại: tối đa 250W

Điện áp đầu vào: 110V/220V(nhập theo chiều dây biển)

Nguồn điện: AC 110-240V, tích hợp trong pin có thể sạc lại 12V4.5AH

Kích thước (WxHxD): 290 x 260 x 480mm

Phụ kiện bao gồm: 1 Micro không dây/ 1 Micro có dây/ 1 Micro cài áo/ 2 pin Lithium

Bảo hành 12 tháng

5 Âm thanh lắp cho phòng học

1. Tăng âm truyền thanh đèn tròn TOA A

	Trung Quốc	Cát	4	11.000.000	55.000.000

Số: 2654 /QĐ-DHBK-TB

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo
của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Thiết bị tại Tờ trình số 222/TTr-TB ngày 30 tháng 10 năm 2015 về việc xin phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, với nội dung cụ thể như sau:

1. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
2. Đơn vị sử dụng: Phòng Thiết bị.
3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo.
4. Nội dung đầu tư: Mua sắm thiết bị giảng đường phục vụ công tác đào tạo (Có phụ lục chi tiết kèm theo).
5. Tổng mức đầu tư: 2.450.710.900 đồng Việt Nam.
(Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, bảy trăm mươi nghìn, chín trăm đồng)
6. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí Học phí.
7. Thời gian thực hiện: Từ Quý IV/2015 đến Quý I/2016.

Điều 2. Giao cho phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Thiết bị, Kế hoạch - Tài vụ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TB.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS *Hoàng Minh Sơn*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà
Giảng đường và nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8
Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19-3-2008 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-BGDĐT ngày 16-6-2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, Quốc hội 11, kỳ họp thứ 4;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12-02-2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15-10-2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12-02-2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/ 2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ văn bản số 7123/BGD ĐT-CSVCTBTH ngày 26-10-2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc lập dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà giảng đường và nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8 Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội;

Căn cứ Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội do Công ty Cổ phần tư vấn Kiến trúc và Xây dựng lập tháng 6 năm 2011;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra Tổng mức đầu tư Dự án xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội của Viện Kinh tế Bộ Xây dựng số 179A/VKT/BDS ngày 07-03-2012 và Văn bản số 4447/SXD-TĐ ngày 13-7-2012 của Sở Xây dựng Hà Nội về việc tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở Tòa nhà giảng đường và trung tâm nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8 của Trường;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 136 /TĐDA-CSVCTBTH ngày 20- 08-2013 của Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em về việc thẩm định Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội tại tờ trình số 583 TT-DHBK-XDQLDA ngày 19-8-2013 về việc xin phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8 của Trường;

Theo đề nghị của Ông Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Giảng đường và Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

3. Địa điểm thực hiện: Số 1 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần tư vấn Kiến trúc và XD;

5. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Nguyễn Tiến Đích

6. Mục tiêu của dự án:

Đầu tư mới lại nhà D8 cũ đã xuống cấp và lạc hậu. Có hệ số sử dụng đất thấp, nhằm tăng cường thêm các giảng đường phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất để dần đáp ứng được quy mô đào tạo đang tăng nhanh.

Tạo nên một môi trường giảng dạy lý tưởng, hiện đại, phát huy môi trường sư phạm hiệu quả cho công tác giảng dạy. Đáp ứng các nhu cầu giảm lớp học xen kẽ ngoài giờ hành chính.

Tạo điều kiện thuận lợi cho Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời xây dựng các trung tâm nghiên cứu phát triển và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới để đưa vào sản xuất phục vụ đời sống xã hội.

Sử dụng tối đa lợi thế của khu đất trong khuôn viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ tạo nên một cảnh quan đào tạo hấp dẫn, góp phần khẳng định vị thế của Trường trong hệ thống các trường đại học trong và ngoài nước.

7. Quy mô đầu tư :

-Xây dựng Công trình khối nhà 11 tầng nổi và 1 tầng hầm: Diện tích xây dựng $1.332 m^2$. Tổng diện tích sàn: $15.984 m^2$, chiều cao công trình: 44,5 m, hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa.

-Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông nội bộ, san nền, sân, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, cây xanh, thảm cỏ.

-Xây dựng khối nhà 11 tầng nổi và 1 tầng hầm theo các khái niệm sau:

+ Tầng hầm để xe, các phòng kỹ thuật

+ Tầng 1 đến tầng 5 bố trí các giảng đường, lớp học phục vụ đào tạo.

+ Tầng 6 đến tầng 11 bố trí thành không gian đa năng phục vụ mục đích

nghiên cứu, thí nghiệm.
+ Tầng tum sử dụng làm không gian kỹ thuật.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đầy đủ và đồng bộ.
- Cây xanh môi trường đáp ứng phù hợp với quy hoạch hệ thống cây xanh của đô thị và kiến trúc cảnh quan khu vực.

- Loại cấp công trình: Công trình cấp II.
- Diện tích sử dụng đất: 3.331 m²

8. Tổng mức đầu tư : 174.056.002.000 đồng

Trong đó:

Chi phí xây dựng	111.268.035.000 đồng
Chi phí thiết bị	7.926.897.000 đồng
Chi tư vấn đầu tư	6.159.167.000 đồng
Chi Quản lý dự án	1.821.963.000 đồng
Chi phí khác	806.292.000 đồng
Chi phí dự phòng	46.073.648.000 đồng

(Một trăm bảy mươi tư tỷ không trăm năm mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng).

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước (50%),
- Nguồn vốn huy động của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (50%).

10. Thời gian dự kiến thực hiện: Năm 2013- 2017.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Giao cho Ông Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội làm chủ đầu tư, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý thực hiện dự án theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b.c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ TC;
- Kho bạc NNHN;
- Lưu VT, Cục CSVCTBTH;



Ký túc xá trường:

<http://kytucxabkhn.org/Home/Index>

http://www.hust.edu.vn/hung-bai-viet-sv/-/asset_publisher/AKFI5qRls1e8/content/ky-tuc-xa

5.4.0.7

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 3436 /QĐ/BGD&ĐT-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----qd-duan

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng và cải tạo
các hạng mục công trình thể dục thể thao sinh viên
trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 29/CP, ngày 30-03-1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo;
- Căn cứ điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định, số: 42/CP ngày 16-7-1996 và số: 92/CP ngày 23-8-1997 của Chính Phủ;
- Căn cứ văn bản thoả thuận dự án khả thi đầu tư xây dựng và cải tạo các hạng mục công trình thể dục thể thao sinh viên tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội số: 784/UBTTDTT-KH ngày 8-8-1998 của Ủy ban Thể dục Thể thao và văn bản thoả thuận số: 6491 BKH/VPTĐ ngày 19-9-1998 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Xét tờ trình của trường Đại học Bách Khoa Hà Nội số: 323/HCBK ngày 14-7-1998 về việc trình duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng và cải tạo các hạng mục công trình thể dục thể thao sinh viên tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Theo đề nghị của Ông Vũ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt dự án khả thi đầu tư xây dựng và cải tạo các hạng mục công trình thể dục thể thao sinh viên tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, với những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sau:

1. Tên dự án: Khu thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà nội.
2. Địa điểm xây dựng: Tại trường đại học Bách Khoa, Quận hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.
3. Năng lực thiết kế:
 - Sửa chữa và nâng cấp hoàn chỉnh sân vận động: ✕
Mặt sân bóng đá: 100 x 68m, khán đài 5200 chỗ.
Các đường chạy vòng, chạy thẳng và sân điền kinh.

Hệ thống điện, cấp thoát nước và các phòng phục vụ.

- Nâng cấp bể bơi:

Lắp đặt hệ thống lọc nước tuần hoàn, xây dựng khu khán đài dưới 500 chỗ có mái che bằng vật liệu nhẹ và các phòng phục vụ.

- Xây dựng nhà luyện tập và thi đấu đa năng:

Với kích thước sân thi đấu là 42 x 24m, quy mô 1650 chỗ.

Các công trình phục vụ và hạ tầng kỹ thuật.

4. Vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư là: 22.841.340.000đ

Trong đó :

+ Vốn xây lắp: 16.126.440.000đ

+ Vốn thiết bị: 4.163.890.000đ

+ Vốn KTCB khác: 1.474.096.000đ

+ Dự phòng phí: 1.076.914.000đ

5. Nguồn vốn: Xây dựng bằng vốn ngân sách Nhà nước thông qua chương trình quốc gia về thể thao, vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Thời gian thực hiện: Năm 1998 - 2001.

7. Thiết kế và thi công: Giao cho trường đại học Bách Khoa Hà Nội làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm ký các hợp đồng khảo sát thiết kế và thi công theo các quy định tại Nghị định 42/CP và Nghị định 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ.

Điều 2: Các Ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng trường đại học Bách Khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Thứ trưởng



Lê Vũ Hùng

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- UB-TDTT;
- Tổng cục ĐT-PT-Bộ Tài Chính;
- Cục ĐT-PT Hà nội;
- ĐH BKHN;
- Lưu VP,vụ KHTC.

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 16 tháng 6 năm 1998
Tổng cục ĐT-PT-Bộ Tài Chính và Đào tạo



Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2003.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án khả thi đầu tư xây dựng và cải tạo các hạng mục công trình thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án số 3436/QĐ/BGD&ĐT-KHTC ngày 6/10/1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ vào báo cáo điều chỉnh bổ sung Dự án đầu tư do Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng, Bộ Xây dựng lập và báo cáo kết quả thẩm định số 06/TVKD ngày 20/01/2003 của Công ty Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng, Bộ Xây dựng;

- Xét tờ trình số 53/DHBK-BQL-TDTT ngày 11/02/2003 của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội về việc xin phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án Khu TDTT sinh viên Trường DHBK Hà Nội;

- Theo đề nghị của Ông Vũ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án Khu thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội của Trường DHBK Hà Nội, với những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sau:

1. Tên dự án: Khu thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội.
2. Địa điểm xây dựng: Tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Năng lực thiết kế:
 - Sửa chữa và nâng cấp hoàn chỉnh sân vận động
Mặt sân bóng đá 100 x 68 m, khán đài 5.200 chỗ.

- Các đường chạy vòng, chạy thẳng và sân điền kinh.
- Hệ thống điện, cấp thoát nước và các phòng phục vụ.
- Nâng cấp bể bơi:
Lắp đặt hệ thống lọc nước tuần hoàn, xây dựng khu khán đài 500 chỗ có mái che bằng vật liệu nhẹ và các phòng phục vụ.
- Xây dựng nhà luyện tập và thi đấu đa năng:
Với kích thước sân thi đấu 42 x 24m, quy mô 1650 chỗ.
- Các công trình phục vụ và hạ tầng kỹ thuật.

4. Vốn đầu tư:

Tổng mức đầu tư là: 41.661.000.000đ

Trong đó :

+ Vốn xây lắp:	31.193.000.000đ
+ Vốn thiết bị:	5.148.000.000đ
+ Vốn KTCB khác:	2.372.000.000đ
+ Dự phòng phí :	2.948.000.000đ

Xây dựng bằng vốn ngân sách Nhà nước.

5. Thời gian thực hiện: Năm 1998-2005

6. Hình thức quản lý dự án: Giao cho Trường Đại học Bách khoa Hà Nội làm chủ đầu tư, trực tiếp quản lý dự án, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng và quản lý công trình theo đúng các quy định tại Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 1-9-1999 về quy chế đấu thầu và các Nghị định sửa đổi bổ sung 12/2000/NĐ-CP, 14/2000 /NĐ-CP ngày 5-5-2000, Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30-01-2003 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Điều II: Quyết định này thay thế cho quyết định số 3436/QĐ/BGD&ĐT-KHTC ngày 6-10-1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều III: Các Ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và tài chính và Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài Chính;
- Kho bạc NN-HN;
- UB-TDTT;
- ĐH BK-HN;
- Lưu VP, Vụ KHTC.

Lê Vũ Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn dự án và phê duyệt thiết kế kỹ thuật
và tổng dự toán công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và cải tạo
khu thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

BỘ TRƯỞNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18-7-2003 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5-5-2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30-01-2003 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ/BGD&ĐT-KHTC ngày 24/3/2003 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án khả thi đầu tư xây dựng khu TDTT sinh viên Trường ĐHBK Hà Nội của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ dự toán do Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng, Bộ Xây dựng lập và các báo cáo kết quả thẩm định của Công ty tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng, Bộ Xây dựng;
- Xét tờ trình số 823/TT-ĐHBK-QLDA ngày 20-10-2003 về việc trình duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn dự án và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và cải tạo khu thể dục thể thao sinh viên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn dự án và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và cải tạo khu thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, với những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sau:

1. Tên dự án : Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội
2. Địa điểm xây dựng : Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật : (có phụ lục kèm theo)
4. Tổng dự toán là: **41.661.000.000 đồng**
 trong đó : - Vốn xây lắp : 30.538.622.861 đồng
 - Vốn thiết bị : 5.536.238.000 đồng
 - Vốn KTCB khác : 2.311.043.172 đồng
 - Dự phòng phí : 3.275.095.967 đồng

Chia ra:

a.Hạng mục sửa chữa và nâng cấp hoàn chỉnh sân vận động

Tổng số :	15.190.813.000 đồng
Trong đó:	- Xây lắp : 12.803.499.000 đồng - Thiết bị : 1.456.580.000 đồng - TKCB khác : 930.734.000 đồng

b.Hạng mục nâng cấp bể bơi :

Tổng số :	4.911.284.725 đồng
trong đó :	- Xây lắp : 2.531.930.861 đồng - Thiết bị : 1.654.185.500 đồng - TKCB khác : 260.566.218 đồng - Dự phòng : 464.602.146 đồng

c.Hạng mục xây dựng nhà luyện tập và thi đấu

Tổng số :	20.623.249.299 đồng
trong đó :	- Xây lắp : 15.203.193.000 đồng - Thiết bị : 2.425.472.500 đồng - TKCB khác : 1.119.742.954 đồng - Dự phòng : 1.874.840.845 đồng

5. Nguồn vốn đầu tư : Xây dựng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thông qua chương trình Quốc gia về thể thao vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác .
6. Thời gian thực hiện : 1998 – 2005.
7. Thiết kế và thi công: Giao cho Trường Đại học Bách khoa Hà Nội làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm ký các hợp đồng khảo sát, thiết kế và thi công theo đúng các qui định tại Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5-5-2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30-01-2003 và Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1-9-1999, Nghị định số 14/2000/ NĐ-CP ngày 5-5-2000 và Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12-6-2003 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 2: Quyết định này thay thế cho tất cả các quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán trước đây liên quan đến các hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và cải tạo khu thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3: Các Ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN;
- Trường ĐHBK-HN
- Lưu: VP + Vụ KHTC

KT/ BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Văn Vọng

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN KHU TDTT SINH VIÊN
BÁCH KHOA HÀ NỘI – TRƯỜNG ĐHBK HÀ NỘI
(Kèm theo quyết định số 5968/QĐ/BGD&ĐT-KHTC ngày 28 tháng 10 năm 2003)

A . Hạng mục sửa chữa và nâng cấp hoàn chỉnh sân vận động

(Theo kết quả thẩm định số 15/KĐXD ngày 26/5/1999, số 81/KĐXD ngày 20/10/1999, số 70/TVKĐ ngày 27/6/2001, số 71/TVKĐ ngày 25/12/2001. Kết quả thẩm định báo cáo điều chỉnh bổ sung dự án số 06/TVKĐ ngày 20/01/2003)

- Phá dỡ giải phóng mặt bằng.
- Sân vận động tổng hợp gồm :
 - + Mặt sân bóng có kích thước 68×100 m, mặt sân trống cỏ, khán đài có sức chứa 5.200 chỗ các đường chạy vòng, chạy thẳng và sân điền kinh. Hệ thống đường chạy tiêu chuẩn gồm 4 đường chạy 400m và 6 đường chạy 130 m, hệ thống điện cấp thoát nước và các phòng phục vụ
 - + Sân nhảy cao có diện tích : $109,25 \text{ m}^2$
 - + Sân lăng đĩa có diện tích : $2.630,00 \text{ m}^2$
 - + Sân đẩy tạ có diện tích : $239,80 \text{ m}^2$
 - + Sân nhảy sào có diện tích : $299,60 \text{ m}^2$
 - + Sân phóng lao có diện tích : $750,00 \text{ m}^2$
 - + Sân nhảy xa và nhảy 3 bước có diện tích : $193,50 \text{ m}^2$
- Khán đài A có mái che : có kích thước chiều dài : 103,06.
Chiều rộng : 12,85 m
- Gầm khán đài có bố trí các phòng chức năng phục vụ cho công tác giảng dạy và tổ chức quản lý luyện tập thi đấu.
- Bể thu nước 400 m^3
- Khán đài B có sức chứa 2.050 chỗ, có kích thước Chiều dài: 102,84m , Chiều rộng : 10,50 m
- Hệ thống cổng tường rào bảo vệ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điệnkhu vực khán đài B.
- Hệ thống cổng tường rào khán đài A có tổng chiều dài 187 m
- Hệ thống thoát nước có tổng chiều dài 128,34 m
- Bể nước ngầm : 12 m^3 .

B. Hạng mục nâng cấp bể bơi

(Kết quả thẩm định số 16/TVTĐ ngày 2/6/2003)

- Chi phí phá dỡ



- Chi phí cải tạo khối nhà 2 tầng
- Lắp đặt hệ thống lọc nước tuần hoàn bể bơi
- Hệ thống điện chiếu sáng
- Bể chứa nước ngầm
- Xây dựng khu khán đài 500 chỗ có mái che bằng vật liệu nhẹ và các phòng phục vụ

c. **Hạng mục xây dựng nhà luyện tập và thi đấu**

(Kết quả thẩm định số 153/TVD ngày 14/10/2003)

Xây dựng nhà luyện tập và thi đấu cao 14m với kích thước sân thi đấu 42×24 m. quy mô 1.650 chỗ có các công trình phục vụ và hạ tầng kỹ thuật.



Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán chi tiết và điều chỉnh
cơ cấu vốn hạng mục công trình Nhà luyện tập và thi đấu
thuộc Dự án Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 31/01/2003 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;
 - Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-BGD&ĐT-KHTC ngày 24/3/2003 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Dự án và Quyết định số 5963/QĐ-BGD&ĐT-KHTC ngày 28/10/2003 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn dự án và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán Dự án Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán hạng mục Nhà luyện tập thi đấu do Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng, Bộ Xây dựng (CDC) lập và Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật và dự toán số 164/TT-TBTN ngày 11-10-2004 của Công ty Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định;
 - Xét tờ trình số 1039/DHBK-BQL KTDTT ngày 15-10-2004 của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội về việc xin phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, dự toán chi tiết và điều chỉnh cơ cấu vốn hạng mục công trình Nhà luyện tập và thi đấu thuộc Dự án Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội;
 - Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, dự toán chi tiết và điều chỉnh cơ cấu vốn hạng mục công trình Nhà luyện tập và thi đấu thuộc Dự án Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội, với các nội dung chính sau:

1. Tên hạng mục công trình: Nhà Luyện tập và thi đấu.
 2. Thuộc Dự án: Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội.
 3. Địa điểm xây dựng: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
 4. Quy mô thiết kế:
Kích thước sân thi đấu $48 \times 24,7$ m. Khán đài 1.146 chỗ có các công trình phục vụ và kỹ thuật hạ tầng.

5. Dự toán:

20.623.249.000 đồng

Chia ra:

- Vốn xây lắp :	18.008.154.000 đồng
- Vốn thiết bị :	1.180.941.000 đồng
- Vốn XDCB khác :	1.317.091.000 đồng
- Dự phòng phí:	117.063.000 đồng

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

6. Nguồn vốn: đầu tư: Vốn Ngân sách Nhà nước.

7. Thời gian thực hiện: 2004 - 2005

Điều 2: Quyết định này điều chỉnh cơ cấu vốn tại điều 1 điểm 4 mục c của Quyết định số 5968/QĐ-BGD&ĐT-KHTC ngày 28-10-2003 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn dự án và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán Dự án Khu Thể dục thể thao sinh viên Bách Khoa Hà Nội của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc NN TP Hà Nội;
- Lưu: Văn phòng + Vụ KHTC

Phạm Vũ Luận



CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Phuong Kính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



ĐỀ TOÁN CHI TIẾT HẠNG MỤC NHÀ LUYỆN TẬP VÀ THI ĐẤU
THUỘC DỰ ÁN KHU THỂ DỤC THỂ THAO SINH VIÊN

BÁCH KHOA HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số: 6235/QĐ-BGD&ĐT-KHTC ngày 26/10/2004)

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY LẮP	16.371.048.962	1.637.104.897	18.008.154.000
-	Phần Cọc + móng + bê tông phần thân	8.091.030.053	809.103.005	8.900.133.058
-	Dàn không gian	2.282.544.160	228.254.416	2.510.798.577
-	Phần Kiến trúc	3.362.042.037	336.204.204	3.698.246.241
-	Điện chiếu sáng trong nhà + ch�ng sét	396.802.569	39.680.257	436.482.826
-	Thông gió	495.204.710	49.520.471	544.725.181
-	Phần cấp thoát nước trong nhà	269.114.597	26.911.460	296.026.057
-	Bể nước ngầm 45 m ³	74.889.262	7.488.926	82.378.188
-	Lắp đặt trang âm	64.893.726	6.489.373	71.383.099
-	Hạ tầng (cổng, tường rào, sân đường, cây xanh	548.540.604	54.854.060	603.394.665
-	Phần Điện ngoài nhà	46.808.220	4.680.822	51.489.041
-	Phần cấp thoát nước ngoài nhà	84.493.525	8.449.353	92.942.878
-	Hệ thống báo cháy tự động	44.177.444	4.417.744	48.595.188
-	Hệ thống chữa cháy vách tường và trang bị phương tiện chữa cháy ứng cứu nhanh	73.271.494	7.327.149	80.598.644
-	Phòng chống mối mọt	420.677.196	42.067.720	462.744.915
-	Tháo dỡ nhà Bát giác, giải phóng mặt bằng	91.719.669	9.171.967	100.891.636
-	Cải tạo khu thể dục	24.839.696	2.483.970	27.323.665
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	1.073.582.720	107.358.271	1.180.941.000
-	Thiết bị trang âm	92.464.000	9.246.400	101.710.400
-	Thiết bị hệ thống báo cháy tự động	95.996.993	9.599.699	105.596.693
-	Thiết bị phương tiện chữa cháy ứng cứu nhanh	149.030.363	14.903.036	163.933.399
-	Ghế ngồi khán giả & khách danh dự	227.300.000	22.730.000	250.030.000
-	Thiết bị cho phòng tập	128.913.636	12.891.364	141.805.000
-	Trang thiết bị cho thi đấu	379.877.727	37.987.773	417.865.500

[Signature]

III CHI PHÍ KTCB KHÁC		1.197.355.746	119.735.575	1.317.091.000
1	Giai đoạn thực hiện đầu tư	1.162.292.037	116.229.204	1.278.521.240
	Chi phí thiết kế kỹ thuật thi công	381.528.933	38.152.893	419.681.826
	Chênh lấp bùn dô hiện trạng, TL 1.600, Lập dự toán phá dỡ nhà bát giác, giải phóng mặt bằng	2.137.536	213.754	2.351.290
-	Bảo hiểm sản phẩm thiết kế	19.183.323	1.918.332	21.101.656
-	Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	15.225.076	1.522.508	16.747.583
-	Chi phí thẩm định tổng dự toán	13.587.971	1.358.797	14.946.768
-	Lập hồ sơ mời thầu phần xây lắp	33.396.940	3.339.694	36.736.634
-	Lập hồ sơ mời thầu phần thiết bị	1.932.449	193.245	2.125.694
-	Chi phí giám sát thi công xây lắp	184.174.301	18.417.430	202.591.731
-	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	3.789.747	378.975	4.168.722
-	Bảo hiểm sản phẩm tư vấn (Thẩm định, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công)	12.605.324	1.260.532	13.865.857
-	Chi phí Ban quản lý phần xây lắp	225.920.476	22.592.048	248.512.523
-	Chi phí Ban quản lý phần lắp đặt thiết bị	6.978.288	697.829	7.676.116
-	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	53.002.534	5.300.253	58.302.787
-	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT với độ sâu 25m	9.640.000	964.000	10.604.000
-	Chi phí khảo sát địa chất	65.000.000	6.500.000	71.500.000
-	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	81.855.245	8.185.524	90.040.769
-	Chi phí bảo hiểm công trình	52.333.895	5.233.390	57.567.285
2	Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào sử dụng	35.063.710	3.506.371	38.570.081
-	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	14.827.937	1.482.794	16.310.731
-	Chi phí kiểm toán	20.235.773	2.023.577	22.259.350
IV	DỰ PHÒNG PHÍ	106.420.909	10.642.091	117.063.000
	CỘNG (I+II+III+IV)	18.774.924.196	1.848.333.604	20.623.249.000



Nhà thi đấu của Trường tổ chức các giải đấu lớn:

http://www.hust.edu.vn/tin-tuc/-/asset_publisher/AKFI5qRls1e8/content/giai-the-thao-ang-uy-khoi-cac-truong-h-c-cum-ii-khu-vuc-ha-noi-nam-2017

Bể bơi của Trường:

http://ttthethao.hust.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=107:clb-bi-li&catid=46:boi-loi&Itemid=121

Sân vận động của Trường tổ chức các giải đấu lớn:

http://ttthethao.hust.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=129:mt-s-hinh-nh-l-khai-mc-giai-bong-a-sinh-vien-toan-quoc-truyen-hinh-quoc-phong-vit-nam-cup-viettel-2013&catid=25:thong-tin-chung&Itemid=118

Các câu lạc bộ thể thao:

http://ttthethao.hust.edu.vn/index.php?option=com_content&view=section&layout=blog&id=6&Itemid=121

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Y tế Bách khoa

HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ “ Điều lệ trường Đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng trường Đại học;

Căn cứ vào Thông tư số 41 / 2011 / TT – BYT ký ngày 14 tháng 11 năm 2011, về việc hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ công văn số: 2173/ BHXH – NVGD1 ký ngày 05 / 10 / 2015 về việc: quy định các cơ sở khám chữa bệnh phải có giấy phép hoạt động;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy chế Hoạt động của Trung tâm Y tế Bách khoa”;

Điều 2. Quyết định này Quy định cụ thể về Chức năng, Nhiệm vụ hoạt động của Trung tâm Y tế Bách khoa trong công tác Khám và Chữa bệnh cho Cán bộ, Viên chức và Sinh viên toàn Trường, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định;

Điều 3. Các ông ~~Phó~~ Trưởng phòng ~~NH~~ Hành chính Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Kế hoạch – Tài vụ và các đơn vị ~~2~~ ~~hết~~ ~~08~~ ~~quá~~ ~~điều~~ trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T/L.HIỆU TRƯỜNG

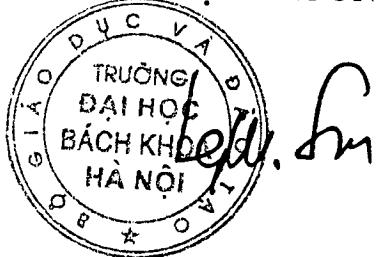
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TCCB, TT Y tế



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP

HIỆU TRƯỜNG



PGS.TS *Hoàng Minh Sơn*

Đỗ Văn Hoàn

**QUY CHẾ TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG MÔ HÌNH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**
(ban hành kèm theo Quyết định số 3241/QĐ-DHBK-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Vị trí, chức năng

- Trung tâm Y tế trường Đại học Bách khoa Hà Nội, đặt dưới sự điều hành trực tiếp của Hiệu trưởng, chịu sự quản lý Nhà nước về chuyên môn của Sở Y tế, có Con Dấu riêng để giao dịch trong phạm vi hoạt động được giao;
- Trung tâm Y tế Bách Khoa là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Hiệu trưởng nhà trường về lĩnh vực Y tế.
- Quản lý hồ sơ sức khoẻ của Cán bộ, Viên chức và Sinh viên.
- Chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám chữa bệnh, trực cấp cứu 24/24 giờ.
- Phòng chống dịch, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Điều 2. Tên và địa chỉ giao dịch

1. Tên phòng khám: Trung tâm Y tế Bách Khoa
2. Địa chỉ giao dịch: Số 5 – Tạ Quang Bửu – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
3. Điện thoại: 04.38680052 – 04.38681982

CHƯƠNG II: NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3: Nhiệm vụ

1. Tổ chức khám chữa bệnh cho Cán bộ và Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội:
 - Tổ chức khám chữa bệnh cho Cán bộ và Sinh viên toàn Trường có thẻ Bảo hiểm Y tế đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại Trung tâm Y tế trường. Việc Tổ chức khám, chữa bệnh theo phạm vi hoạt động chuyên môn được Bộ y tế phê duyệt.
 - Điều trị ngoại trú, trường hợp quá khả năng chuyển lên tuyến trên theo quy định của Bảo hiểm y tế.
 - Xác nhận và cấp giấy nghỉ ốm cho bệnh nhân đúng chế độ.
 - Tổ chức thường trực cấp cứu 24/24 giờ hàng ngày, kể cả ngày Lễ và Chủ nhật, giải quyết cấp cứu kịp thời những trường hợp cấp cứu đột xuất.
 - Có kế hoạch Đào tạo, Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ trong Trung tâm Y tế.
 - Quản lý và bảo dưỡng tốt cơ sở vật chất, thuốc điều trị và mọi tài sản khác của Trung tâm Y tế.
 - Quản lý và sử dụng kinh phí khám chữa bệnh đúng qui định của Bảo hiểm xã hội, thanh quyết toán kịp thời đúng chế độ, đảm bảo an toàn trong khám chữa bệnh.
- 2 - Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho Cán bộ và Sinh viên:

- Trung tâm Y tế chủ trì hợp đồng với cơ sở khám chữa bệnh có đủ điều kiện để tham gia khám sức khoẻ định kỳ hàng năm cho Cán bộ, Công nhân viên chức và Sinh viên của trường.
- Tổng kết, phân loại sức khỏe, quản lý hồ sơ cho Cán bộ và Sinh viên sau mỗi đợt khám sức khỏe.
- Tổ chức khám sức khoẻ cho Sinh viên vào trường, tổng kết, phân loại, thực hiện lưu giữ và theo dõi hồ sơ sức khỏe cho sinh viên trong 5 năm học tại trường.

3 - Thực hiện chức năng phòng dịch vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

- Phối hợp với Ban an toàn do Trường thành lập triển khai công tác vệ sinh môi trường và phối hợp với Trung tâm Quản lý Ký túc xá để tổ chức tốt công tác phòng bệnh, phòng dịch, tuyên truyền vận động và xây dựng ý thức giữ gìn vệ sinh phòng chống bệnh dịch, vệ sinh nơi ăn ở và nơi học tập làm việc của cán bộ viên chức và sinh viên đảm bảo môi trường luôn xanh — sạch đẹp.
- Phối hợp với Trung tâm phục vụ Bách Khoa tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nghiên cứu đề xuất những biện pháp cụ thể, kịp thời hữu hiệu phòng chống ngộ độc ăn uống.
- Chủ động tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh phun thuốc diệt muỗi, diệt chuột và côn trùng... vệ sinh môi trường. Phối hợp với cơ quan Y tế cấp trên kịp thời phát hiện, khoanh vùng và tiêu diệt các ổ dịch bệnh, không để lây lan.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan, quản lý và thực hiện tốt công tác dân số gia đình và trẻ em, tham gia truyền thông vận động bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng phong cách sống lành mạnh trong Cán bộ, Viên chức và Sinh viên

4 - Thực hiện các hoạt động chuyên môn theo qui chế chuyên môn của Bộ Y tế và pháp luật của Nhà nước.

5- Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Y tế.

Điều 4: Quyền hạn

Trung tâm Y tế được triển khai các hoạt động chuyên môn theo phân tuyến kỹ thuật do Sở Y tế phê duyệt, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các hoạt động của Trung tâm Y tế và chịu sự quản lý nhà nước của Sở Y tế về hoạt động chuyên môn.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 5: Cơ cấu tổ chức bộ máy

5.1. Lãnh đạo Trung tâm: Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

5.1.1. Nhiệm vụ của Giám đốc:

- a. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch hoạt động của Trung tâm Y tế theo từng tháng, quý, năm trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.
- b. Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với khả năng hoạt động và trình độ chuyên môn kỹ thuật, quản lý của Trung tâm.
- c. Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách cá nhân của mọi thành viên trong Trung tâm.
- d. Xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy Trung tâm, quy chế công tác, quy chế chuyên môn của các chuyên khoa, bộ phận.
- e. Chịu trách nhiệm về chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế
- f. Quản lý nhân lực làm việc tại Trung tâm.
- g. Quản lý tài sản, tài chính của Trung tâm.

5.1.2. Nhiệm vụ của Phó Giám đốc

- a. Giúp Giám đốc trong công tác điều hành, hoạt động chung của Trung tâm
- b. Thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm khi được Giám đốc uỷ nhiệm hoặc đi vắng.

5.2. Bộ phận hành chính đón tiếp

5.3. Bộ phận chuyên môn. Bao gồm:

- Phòng khám nội chung Cán bộ .
- Phòng khám nội chung Sinh viên.
- Phòng cấp cứu 24/24 giờ.
- Phòng lưu bệnh nhân và theo dõi
- Phòng xét nghiệm với các thiết bị tự động, bán tự động.
- Phòng khám Răng Hàm Mặt.
- Phòng chẩn đoán hình ảnh : Điện tim- Siêu âm -Xquang.
- Phòng thăm dò chức năng : Đo loãng xương.
- Phòng Phụ sản.
- Phòng Tiêm, băng , cắt chỉ.
- Phòng Tiểu phẫu + Điều trị Laser CO₂
- Phòng Điều trị đông y, Vật lý trị liệu.
- Phòng Chăm sóc da.
- Phòng Khám và Nội soi Tai Mũi Họng.
- Phòng Dược.

5.4. Tổ chức Đảng: Trung tâm y tế có chi bộ Đảng và sinh hoạt Đảng theo quy định

5.5. Các tổ chức đoàn thể xã hội: Trung tâm Y tế có tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 6. Phạm vi hoạt động chuyên môn:

Khám, chữa bệnh ngoại trú, xử trí cấp cứu thuộc các chuyên khoa theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Sở Y tế . Bao gồm các lĩnh vực sau đây:

1. Các khoa lâm sàng:

- a. Trực cấp cứu và lưu bệnh nhân: Có 8 giường lưu và theo dõi
- b. Khám và Điều trị Nội tổng hợp
- c. Khám và Điều trị Sản phụ khoa

- d. Khám và Điều trị Tai - Mũi - Họng
 - e. Khám và Điều trị Răng - Hàm - Mặt
 - f. Khám và Điều trị Đông y
 - g. Thực hiện các thủ thuật
 - h. Hấp sấy tiệt trùng
2. Cận lâm sàng:
- a. Chẩn đoán hình ảnh
 - b. Thăm dò chức năng
 - c. Xét nghiệm
3. Bộ phận Dược:

Bộ phận Dược: Đảm bảo thuốc, cấp phát thuốc cho bệnh nhân bảo hiểm y tế, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý an toàn cho bệnh nhân.

Điều 7: Chế độ làm việc và quản lý lao động

1. Chế độ làm việc

- Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Trung tâm Y tế Bách Khoa làm việc theo quy định của Pháp luật và chế độ Thủ trưởng dưới sự quản lý trực tiếp của Giám đốc trung tâm y tế, chấp hành quy định của Pháp luật và Quy chế chuyên môn của Bộ Y tế, các Quy định, Quy chế làm việc của Trung tâm, của Nhà trường.

- Trung tâm Y tế hoạt động trong và ngoài giờ hành chính, có phân công các kíp trực để cấp cứu bệnh nhân và bảo vệ tài sản của Trung tâm.

2. Quản lý lao động

Cán bộ, nhân viên được bố trí tại các vị trí như sau:

- Phòng đón tiếp: Có cán bộ nhân viên tiếp đón
- Các phòng khám: Nội, Trực cấp cứu, Sản, Tai- Mũi- Họng, Răng- Hàm- Mặt, Đông y hàng ngày mỗi phòng đều có Bác sỹ và Điều dưỡng;
- Phòng xét nghiệm: Bác sỹ, Kỹ thuật viên
- Phòng Siêu âm và Thăm dò chức năng: Bác sỹ và Điều dưỡng
- Phòng X. quang: Bác sỹ và Kỹ thuật viên
- Phòng Cấp phát thuốc bảo hiểm y tế: Có Dược sỹ trung học.

Thời gian làm việc theo giờ hành chính

Chế độ trực tại phòng khám:

Tổ chức trực cấp cứu 24/24 giờ, mỗi kíp trực có 02 người.

3. Chế độ tiền lương: Cán bộ Trung tâm Y tế được ký hợp đồng với Nhà trường được đóng bảo hiểm xã hội và nhận lương theo quy định.

CHƯƠNG IV: CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN

Điều 8. Cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ của Trung tâm y tế: 24 người trong đó:

- Hướng lương ngân sách nhà nước: 22 người
- Cán bộ hợp đồng lương theo thỏa thuận : 02 người

Ngoài ra tuỳ theo yêu cầu nhiệm vụ từng giai đoạn mà số lượng nhân viên có thể tăng hoặc giảm.

Điều 9. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ

1. Tiêu chuẩn:

Cán bộ nhân viên làm việc tại Trung tâm Y tế phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt.
- Có trình độ chuyên môn, tay nghề từ trung cấp trở lên (trừ hộ lý).
- Có đủ sức khoẻ để làm việc và học tập

2. Nhiệm vụ:

- Chấp hành đầy đủ các quy định, quy chế làm việc của Trung tâm y tế và của nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy chế chuyên môn.

Điều 10. Quyền của cán bộ, nhân viên

- Được sử dụng các vật tư trang thiết bị của Trung tâm phục vụ cho công việc
- Được đảm bảo các quyền lợi và chế độ theo quy định của nhà nước
- Được hưởng các chế độ khác (nếu có) theo quy định của Trung tâm hoặc Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường

CHƯƠNG V: NGƯỜI BỆNH

Điều 11: Đối tượng phục vụ của phòng khám

Cán bộ và sinh viên nhà trường có Bảo hiểm y tế tại Trung tâm y tế.

Điều 12: Quyền lợi, nghĩa vụ của người bệnh và gia đình người bệnh

1. Quyền lợi

- Người bệnh được khám, chữa bệnh chăm sóc, làm các xét nghiệm theo bệnh lý
- Người bệnh được nghe thầy thuốc giải thích về tình trạng bệnh tật, hướng dẫn sử dụng thuốc, cách ăn uống sinh hoạt, nghỉ ngơi và tự bảo vệ sức khoẻ.
- Người bệnh được góp ý kiến xây dựng về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của các cán bộ Trung tâm Y tế.

2. Nghĩa vụ

- Người bệnh phải thực hiện nghiêm chỉnh y lệnh của Thầy thuốc, hướng dẫn của nhân viên phòng khám
- Người bệnh phải giữ gìn trật tự, vệ sinh của Trung tâm Y tế và tự giác chấp hành các Quy định, Nội quy của phòng khám và Pháp luật của Nhà nước.
- Người bệnh phải tôn trọng Thầy thuốc và Nhân viên y tế.

CHƯƠNG VI: TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 13. Tài sản và vốn

Tài sản của phòng khám ban đầu bao gồm:

1. Nhà kiên cố 2 tầng, một dãy nhà ngang 1 tầng, sân, nhà để xe với diện tích trên 1.200m²
2. Trang thiết bị, máy móc, tài sản của nhà trường và Bảo hiểm y tế trang bị để phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh..

Điều 14. Quản lý tài sản, tài chính

1. Quản lý tài sản

- Trung tâm Y tế có trách nhiệm quản lý, sử dụng các tài sản có hiệu quả, đúng mục đích theo các quy định hiện hành.
- Mọi hành vi xâm phạm làm hư hỏng, mất mát tài sản phải đền bù và xử lý theo Pháp luật.

2. Quản lý tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, hàng năm phòng khám có nhiệm vụ lập kế hoạch tài chính trình Hiệu trưởng phê duyệt.

CHƯƠNG VII THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Thanh tra, Kiểm tra

Giám đốc Trung tâm Y tế có trách nhiệm thực hiện chế độ Thanh tra, Kiểm tra và Báo cáo về tình hình hoạt động khám, chữa bệnh và các hoạt động khác của Trung tâm theo quy định.

Điều 16. Khen thưởng

Các bộ phận và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có đóng góp cho Trung tâm thì được khen thưởng theo quy định hiện hành

Điều 17: Xử lý vi phạm

Cá nhân nào vi phạm các quy chế, quy định, nội quy của đều phải bị xử lý theo quy định hiện hành.

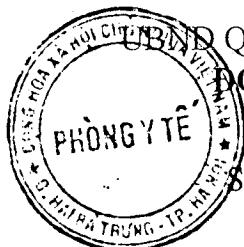
CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18: Cán bộ nhân viên Trung tâm Y tế có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh bản quy chế này. Các trường hợp vi phạm tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 19: Căn cứ vào Bản quy chế này Giám đốc Trung tâm y tế có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và ban hành nội quy, quy định nội bộ cho từng bộ phận trong cơ cấu tổ chức của phòng khám.

Điều 20: Quy chế này có 8 chương, 20 điều.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải bổ sung sửa đổi cho phù hợp thì Giám đốc Trung tâm Y tế có trách nhiệm phối hợp với Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, trưởng phòng Tổ chức cán bộ của trường trình Hiệu trưởng Nhà trường xem xét quyết định.



UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG
ĐOÀN KIỂM TRA

Số: 2410 /BBKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận Hai Bà Trung, ngày 10 tháng 11 năm 2016

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Công tác Y tế, đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế về hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 14/9/2016 của UBND quận Hai Bà Trung về kiểm tra công tác y tế, đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh tại các cơ quan, doanh nghiệp, trường đại học trên địa bàn quận năm 2016,

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc triển khai công tác y tế, đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh tại:Đại...học...Báu...Khoa.....
.....Sé...A...Đại...Lê...Nhi...phu...khang...Báu...Khoa.....

SĐT liên hệ: Email:

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

- 1....Bà...Cao...Thi...Aña..... Chức vụ:Tư...lý...phòng...Y...tế.....
- 2....Bà...Lê...Thi...Thúy...Hà..... Chức vụ:Phó...Tư...lý...phòng...Y...tế.....
- 3....Bà...Ngô...Sơn...Añicq..... Chức vụ:Sé...Tư...lý...phòng...Y...tế.....
- 4....Bà...Cao...Thi...Thu..... Chức vụ:Sé...Tư...lý...phòng...Y...tế.....
- 5....Bà...Tần...Thi...Ngoc..... Chức vụ:Sé...Tư...lý...phòng...Y...tế.....
- 6....Bà...Vũ...Thi...Tinh..... Chức vụ:PCT...Giáo...đào...Sát...đóng.....
- 7....Bà...Bùi...Thi...Minh...Hà..... Chức vụ:Cán...ké...phòng...Y...tế.....
- 8....Bà...Nguyễn...Thi...Lai...Lai..... Chức vụ:Aña...phó...Đại...an...nurs.....
- 9....Bà...Phạm...Thi...Thu...Thúy..... Chức vụ:Cán...ké...phòng...Y...tế.....
- 10....Bà...Huang...Thi...Tuyet...Lai..... Chức vụ:PCT...UBND...p...báu...Khoa.

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

- 1.....Ông...Phan...Huang...Liang..... Chức vụ:Añic...phá.....
- 2....Bà...Phan...Huang...Phu...khang... Chức vụ:Tư...lý...tâm...Y...tế.....
- 3....Bà...Nguyễn...Thi...Thúy..... Chức vụ:Sé...phòng...Y...tế...chức.....
- 4..... Chức vụ:

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Có	Không
3.1. Công tác chỉ đạo			
1	Thành lập Ban chỉ đạo CSSKBĐ và phòng chống dịch của đơn vị, đại diện lãnh đạo đơn vị làm Trưởng ban.	X	
2	Có văn bản hoặc tổ chức các cuộc họp, hội nghị phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế, phòng chống dịch, phòng chống HIV/AIDS của đơn vị.	X	
3	Xây dựng các tình huống về y tế tại cơ sở, chuẩn bị sẵn sàng các phương án và tình huống cấp cứu, phòng chống dịch bệnh hàng năm của đơn vị.	X	
4	Thực hiện các báo cáo về quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, phòng chống dịch đối với cơ quan y tế định kỳ đột xuất hoặc khi có yêu cầu.	X	
3.2. Công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, nhân viên			
5	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và phân loại sức khỏe CBNV.	X	
6	Thực hiện lưu giữ và theo dõi hồ sơ sức khỏe tuyển dụng, hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, hồ sơ bệnh nghề nghiệp (nếu có).	X	
7	Thực hiện cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh thông thường, sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khoẻ ban đầu theo quy định hiện hành. Chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế trong những trường hợp cần thiết.	X	
3.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và cán bộ y tế đảm bảo công tác y tế của đơn vị			
8	Phòng Y tế/Khoa cấp cứu ở vị trí thuận lợi cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.	X	
9	Đảm bảo vệ sinh khu vực xung quanh và trong phòng Y tế/ các khoa phòng cấp cứu, khám chữa bệnh. Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế và sinh hoạt theo quy định.	X	
10	Có tủ thuốc được trang bị các loại thuốc thiết yếu; Có danh mục, sổ quản lý, kiểm tra và đổi chiểu xuất, nhập thuốc theo quy định.	X	
11	Có các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu phục vụ sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBNV; Có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi.	X	
12	Có bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc thông thường khác.	X	
13	Nhân viên làm công tác y tế: Bác sĩ: 06 Y sĩ: Điều dưỡng: 14 Khác:		

14	Tham gia vào các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn do ngành y tế hoặc cơ quan khác tổ chức hàng năm.	X	
15	Tham mưu với lãnh đạo đơn vị lập kế hoạch công tác y tế của đơn vị, đề xuất kỹ luật, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.	X	

3.4. Công tác phòng chống dịch bệnh

16	Có kế hoạch triển khai các quy định về vệ sinh phòng chống bệnh.	X	
17	Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra trong đơn vị với các cấp có thẩm quyền theo quy định.	X	
18	Phối hợp với các cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch xảy ra.	X	
19	Số ca dịch bệnh đã mắc thống kê đến thời điểm kiểm tra, cụ thể: Sốt xuất huyết: 26 Cúm: 0 Sởi: 0 Tay Chân Miệng: 0 Thủy đậu: 0 Khác: 0	X	
20	Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hàng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ.		X

3.5. Công tác phòng chống HIV/AIDS

21	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống HIV/AIDS (có trưởng ban là lãnh đạo doanh nghiệp, phó trưởng ban và các ủy viên của công đoàn, đoàn thanh niên, y tế....	X	
22	Xây dựng chính sách phòng chống HIV/AIDS: Không phân biệt đối xử và kỳ thị với người nhiễm HIV, tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận với các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV, hỗ trợ của doanh nghiệp dành cho người bị nhiễm HIV.	X	
23	Thành lập đội truyền thông phòng, chống HIV/AIDS: Lập kế hoạch truyền thông hàng năm, thiết kế và tổ chức các hoạt động truyền thông như nói chuyện với cá nhân, thảo luận nhóm.....	X	
24	Lập kế hoạch hoạt động và kinh phí cho công tác phòng chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp (thu thập thông tin, xây dựng mục tiêu, lựa chọn giải pháp, xác định các hoạt động, xác định kinh phí).	X	
25	Cung cấp thông tin HIV qua các thông tin: Loa phát thanh thông tin nội bộ, treo poster về phòng chống HIV/AIDS, góc truyền thông, bảng tin, phát tờ rơi áp phích thông điệp.	X	
26	Phổ biến chính sách phòng, chống HIV/AIDS cho 100% người lao động qua các buổi truyền thông, kênh thông tin.....	X	

27	Doanh nghiệp cung cấp miễn phí BCS hoặc bán trợ giá BCS cho người lao động.		x
28	Doanh nghiệp thành lập quỹ hoạt động HIV (nguồn kinh phí có thể huy động từ các quỹ phúc lợi xã hội, công đoàn, đoàn thanh niên...).	x	
29	Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao có lòng ghép chương trình HIV(đọc bản tin hay phát bài hát, câu chuyện, bộ phim...).	x	
30	Có chế độ chăm sóc, thăm hỏi, hỗ trợ tinh thần, vật chất cho người lao động nhiễm HIV (cung cấp thông tin, quyền và các lợi ích hợp pháp, các chế độ chính sách).		✓
31	Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS định kỳ 1 quý/1 lần gửi về phòng thương mại và công nghiệp hoặc hiệp hội doanh nghiệp thành phố.		x

3.6. Công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tai nạn, thương tích

32	Thành lập bộ phận an toàn vệ sinh lao động.	x	
33	Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ trong đơn vị.	x	
34	Xây dựng kế hoạch về kỹ thuật vệ sinh lao động hàng năm, cải thiện điều kiện làm việc, lắp đặt hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc, hệ thống chiếu sáng, vách ngăn tiếng ồn, hệ thống chống rung soco; cách ly vi sinh vật gây hại; cải tạo nhà tắm; nhà vệ sinh; đo kiểm môi trường lao động...	x	
35	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn, thương tích trong đơn vị.	x	
36	Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn lao động, huấn luyện, tập huấn an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong đơn vị.	x	
37	Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.	x	
38	Cán bộ phụ trách công tác an toàn vệ sinh lao động của đơn vị có hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn, kỹ thuật phòng chống cháy nổ, kỹ thuật môi trường, vệ sinh lao động. Tham gia vào các cuộc họp giao ban, tổng kết của đơn vị kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch an toàn vệ sinh lao động.	✓	
39	Theo dõi tình hình thương tích, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; đề xuất với lãnh đạo đơn vị khi phát hiện các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ, các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động. Tổng hợp, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.	x	

3.7. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

40	Bếp ăn phục vụ suất ăn/ngày. Bếp ăn được thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số.....ngày.....tháng.....năm..... Ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm với quận ngày tháng năm	
41	Niêm yết công khai giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm; nguồn gốc nguyên liệu, thực phẩm tại vị trí dễ quan sát.	
42	Bếp ăn được bố trí với diện tích phù hợp, cách biệt với nhà vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường.	
43	Bếp ăn được thiết kế, xây dựng bằng vật liệu sáng màu, không thấm nước, dễ lau chùi cọ rửa.	
44	Bếp ăn được thiết kế và tổ chức theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng.	
45	Có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản và sử dụng riêng đối với thực phẩm tươi sống và đã qua chế biến.	
46	Việc sơ chế, bảo quản thực phẩm được để ở trên giá hoặc bàn cao cách mặt đất ít nhất 60cm.	
47	Nhà ăn đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát. Mỗi bàn ăn có một thùng đựng rác có nắp đậy. Có nơi rửa tay bằng xà phòng. Có các biện pháp để ngăn ngừa côn trùng, động vật gây hại.	
48	Dụng cụ chế biến, bảo quản thức ăn, phòng ăn, bàn ăn, bàn chế biến thực phẩm, kho chứa, nơi bảo quản thực phẩm được vệ sinh hàng ngày.	
49	Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm có nguồn gốc và bảo đảm an toàn: Hợp đồng nguồn cung cấp thực phẩm, sổ ghi chép thực hiện chế độ kiêm thực 3 bước đầy đủ theo quy định.	
50	Có đủ dụng cụ lưu mẫu thức ăn, tủ bảo quản lưu mẫu thức ăn lưu, đảm bảo lưu mẫu thức ăn tại cơ sở ít nhất 24h kể từ khi thức ăn được chế biến xong.	
51	Đủ nước sạch để duy trì các sinh hoạt bình thường của cơ sở. Nước dùng để sơ chế nguyên liệu thực phẩm, vệ sinh dụng cụ, rửa tay được cơ sở gửi mẫu nước đi xét nghiệm hàng năm.	
52	Công rãnh khu vực chế biến, nhà bếp đảm bảo thông thoáng, không ngập nước, đọng nước, có nắp đậy, không lò thiến.	
53	Bố trí thùng chứa rác hoặc thức ăn thừa có nắp đậy, không có rác rơi vãi xung quanh và nước thải rò rỉ ra ngoài. Rác được tập trung xa nơi chế biến, phòng ăn và được chuyển đi hàng ngày, không để ứ đọng.	
54	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể đã tham gia xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm và có giấy xác nhận còn hạn.	
55	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể, nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ và được trang bị bảo hộ lao động làm việc theo quy định.	

	Có ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong đơn vị.		
56	Thời gian mắc:		
	Số người mắc:		X
	Nguyên nhân:		
	Biện pháp xử lý:		

3.8. Công tác vệ sinh môi trường làm việc

57	Xây dựng đề án bảo vệ môi trường.		✓
58	Thực hiện việc tổng vệ sinh đơn vị hàng tuần.	X	
59	Bố trí thùng rác có nắp trong phòng làm việc và tại các hành lang. Nơi chứa rác tập trung được che chắn. Thu gom và xử lý rác theo quy định.	X	
60	Hệ thống cống, rãnh kín để dẫn thoát nước mưa, nước thải, không rò rỉ, ú đọng gây ô nhiễm môi trường.	X	
61	Nhà tiêu, hố tiêu phải đảm bảo vệ sinh theo quy định. Có khu vực rửa tay bằng xà phòng.	X	

3.9. Nguồn kinh phí

62	Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.	X	
----	--	---	--

IV. NHẬN XÉT

4.1. Kết quả

Nhà, khuôn...cho, thuê, cát, kính, doanh..dịch..vụ..ăn..uchq..gõn..đ/c/3..nhâ..ă..ct..đu..đi..cáp..giay..cbthq..nhâ..đi..diêu..kiên..;..ATI..của..hàng..cát..uy..q..đi..đi..cáp..gi..Đe..tuan..ham..tien..khay..ric..keat..đóng..phong..chinq..did..clam..lác..ATI..quan..tâm..chan..la..đe..sóng..sic..khoe..can..kô..công..nhão..não..

.....

.....

.....

4.2. Hạn chế, tồn tại

Thu..gõn..rõ..thái..y..té..chua..thíc..hiển..thu..II..S/..2015..II..S/..BTNM/..
01..nhâ..ăn..02..nhâ..Rãng..pin..trắng..chua..duoc..cáp..G..In..đi..diêu..kiên..ATI..
Tat..c..đi..đi..vi..thu..kinh..doanh..dich..vụ..ăn..uchq..đi..mít..sc..tđ..tat..
Lưu..máu..thíc..ăn..kao..guan..thíc..pham..;..ngu..ch..gá..thíc..pham..chua..ct..
c..s..dung..nhâ..máu..đ..chua..ct..u..,..án..uchq..

.....

.....

.....

V. KIẾN NGHỊ

5.1. Đơn vị được kiểm tra

5.2. Đoàn kiểm tra

Đề nghị nhà trường phải nộp về TTTP. Bác Khoa, mэр chủ cę sę và nhân viên chỉ huy để tập huấn các quy định pháp luật ATTP.

Tăng cường tăng cường, và sinh sản, tinh trùng, thu gom, phế liệu, phá thai, diệt bọ gáy, vắc xin, chì, thuỷ và súng, thú, hàng tuân.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, và phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai hại, khử trùng, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống tệ nạn xã hội.

Phát hiện chất chì và y tế quan, phòng, bắc các hợp thà... số ca... gián, và quan vi... y tế phòng y Bác Khoa; xử lý kịp thời... khi có dấu.

Đề nghị Uỷ ban 10 thu gom rác y tế, hàng ngày cho Trung tâm Bác sĩ điều, ký công tác đảm bảo ATTP và UBND quận Cầu Giấy.

tàng, S, PSS, 33 Đường Lê Văn Lai; mail: pvt.hai.banthang@gmail.com); xác nhận 1. thi hành cuối quý, đầu năm 03/2016, sau đó gửi ATTP. Tạm ngừng hoạt động.

Định kỳ kiểm tra các cơ sở thủy sản doanh nghiệp, cá, cá cảnh, đèn rí, thủy hiện đúng các quy định pháp luật ATTP; xác nhận chưa có kết quả thi hành ngay k

Biên bản gồm 07 trang không tách rời, lập thành 02 bản có nội dung như nhau, làm xong hồi 15 giờ 30 cùng ngày, 01 bản để tại đơn vị được kiểm tra; 01 bản lưu tại Phòng Y tế quận Hai Bà Trưng.

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe và ký xác nhận.

TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Huyền

THÀNH PHẦN
ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Huyền
Trưởng Ban Tôn giáo
Thứ trưởng, Thủ thư Đảng
Võ Nguyên Thị Lan

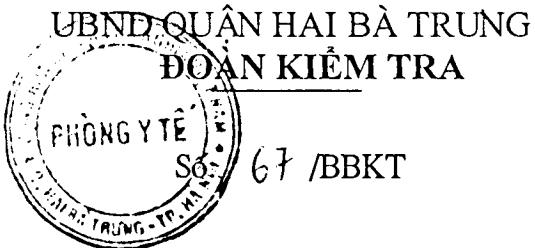
Thuy doan
Hoang T. Nguyen Lan
nghia lo T. Thuu Ha

THU KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Ngọc

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TS. Lê Thị Thái



UBND QUÂN HAI BÀ TRUNG
ĐOÀN KIỂM TRA

Số: 67 /BBKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận Hai Bà Trưng, ngày 04 tháng 12 năm 2015

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Công tác Y tế và phòng chống dịch bệnh

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội – Bộ Y tế về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động trong cơ sở lao động;

Thực hiện kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 18/5/2015 của UBND quận Hai Bà Trưng về việc kiểm tra công tác y tế và phòng chống dịch bệnh tại các cơ quan, doanh nghiệp, trường đại học trên địa bàn quận năm 2015,

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc triển khai công tác y tế và phòng chống dịch bệnh tại:Đại...lực...Bá...khoa...Hà...Nh...
.....Số...1...Đại...Cô...Vũ...
.....

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

- 1....Cao...Thú...Khoa..... Chức vụ:Khoa...phòng...y...tế.....
- 2....Ngô...Lan...Khoa..... Chức vụ:P.I.P...y...tế.....
- 3....Cao...Thú...Thú..... Chức vụ:C.B...phòng...y...tế.....
- 4....Hà...Thú...Ngọc..... Chức vụ:
- 5....Nguyễn...Phú...Lan..... Chức vụ:Khoa...tín...y...tế.....
- 6....Xuân...Khoa...Lung..... Chức vụ:Cán...cán...quản.....
- 7....Nguyễn...Thú...Thúy..... Chức vụ:Y.T.Cua.....
- 8....Trần...Thú...Hà..... Chức vụ:nt.....
- 9....Lê...Kim...Ngân..... Chức vụ:nt.....
- 10..... Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

- 1....Phan...Khoa...Phuong... Chức vụ:G.P.II.YT.....
- 2....Hoa...Phuong...Hien..... Chức vụ:G.P.II.PYu.....
- 3....Nguyễn...Hữu...Khoa..... Chức vụ:G.P.II.Ký...trú...xe.....
- 4....Hà...Dinh...Phong..... Chức vụ:P.I.P...t2...đi...cát...kết.....

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Có	Không
I. Công tác chỉ đạo			
1.	Thành lập Ban chỉ đạo CSSKBD và phòng chống dịch của đơn vị, đại diện lãnh đạo đơn vị làm Trưởng ban.	X	
2.	Có văn bản hoặc tổ chức các cuộc họp, hội nghị phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế, phòng chống dịch, phòng chống HIV/AIDS của đơn vị.	X	
3.	Xây dựng các tình huống về y tế tại cơ sở, chuẩn bị sẵn sàng các phương án và tình huống cấp cứu, phòng chống dịch bệnh hàng năm của đơn vị.	X	
4.	Thực hiện các báo cáo về quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, phòng chống dịch đối với cơ quan y tế định kỳ đột xuất hoặc khi có yêu cầu.	X	
II. Công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, nhân viên			
5.	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và phân loại sức khỏe CBNV.	X	
6.	Thực hiện lưu giữ và theo dõi hồ sơ sức khỏe tuyển dụng, hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, hồ sơ bệnh nghề nghiệp (nếu có).	X	
7.	Thực hiện cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh thông thường, sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khoẻ ban đầu theo quy định hiện hành. Chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế trong những trường hợp cần thiết.	X	
III. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và cán bộ y tế đảm bảo công tác y tế của đơn vị			
8.	Phòng Y tế ở vị trí thuận lợi cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.	X	
9.	Đảm bảo vệ sinh khu vực xung quanh phòng Y tế và trong phòng Y tế. Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế và sinh hoạt theo quy định.	X	
10.	Có tủ thuốc được trang bị các loại thuốc thiết yếu; có danh mục, sổ quản lý, kiểm tra và đối chiếu xuất, nhập thuốc theo quy định.	X	
11.	Có các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu phục vụ sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBNV; Có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi.	X	

12.	Có bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc thông thường khác.	+	
13.	Nhân viên làm công tác y tế: Bác sĩ: Y sĩ: Điều dưỡng: Khác:	+	
14.	Tham gia vào các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn do ngành y tế hoặc cơ quan khác tổ chức hàng năm.	+	
15.	Tham mưu với lãnh đạo đơn vị lập kế hoạch công tác y tế của đơn vị, đề xuất kỷ luật, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.	+	

IV. Công tác phòng chống dịch bệnh

16.	Có kế hoạch triển khai các quy định về vệ sinh phòng chống bệnh.	+	
17.	Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra trong đơn vị với các cấp có thẩm quyền theo quy định.	+	
18.	Phối hợp với các cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch xảy ra.	+	
19.	Số ca dịch bệnh đã mắc thống kê đến thời điểm kiểm tra, cụ thể: Sốt xuất huyết: <u>40</u> ca. Sốt 300 ca. đều tự lây <u>11</u> ca. Cúm: <u>5</u> ca. Tỷ lệ điều trị <u>30%</u> ca. Sát <u>14</u> Phuyết Sởi: <u>0</u> ca. Tay Chân Miệng: <u>0</u> ca. Thủy đậu: <u>0</u> ca. Khác: <u>0</u> ca.		

V. Công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tai nạn, thương tích

20.	Thành lập bộ phận an toàn vệ sinh lao động.	+	
21.	Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ trong đơn vị.	+	
22.	Xây dựng kế hoạch về kỹ thuật vệ sinh lao động hàng năm, cải thiện điều kiện làm việc, lắp đặt hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc, hệ thống chiếu sáng, vách ngăn tiếng ồn, hệ thống chống rung sóc; cách ly vi sinh vật gây hại; cải tạo nhà tắm; nhà vệ sinh; đo kiểm môi trường lao động...	+	
23.	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn, thương tích trong đơn vị.	+	

36.	Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm có nguồn gốc và bảo đảm an toàn: Hợp đồng nguồn cung cấp thực phẩm, sổ ghi chép thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước đầy đủ theo quy định.	8/10	
37.	Có đủ dụng cụ lưu mẫu thức ăn, tủ bảo quản lưu mẫu thức ăn lưu, đảm bảo lưu mẫu thức ăn tại cơ sở ít nhất 24h kể từ khi thức ăn được chế biến xong.	7/10	
38.	Đủ nước sạch để duy trì các sinh hoạt bình thường của cơ sở. Nước dùng để sơ chế nguyên liệu thực phẩm, vệ sinh dụng cụ, rửa tay được cơ sở gửi mẫu nước đi xét nghiệm hàng năm.	10/10	
39.	Công rãnh khu vực chế biến, nhà bếp đảm bảo thông thoáng, không ngập nước, đọng nước, có nắp đậy, không lộ thiên.	8/10	
40.	Bố trí thùng chứa rác hoặc thức ăn thừa có nắp đậy, không có rác rơi vãi xung quanh và nước thải rò rỉ ra ngoài. Rác được tập trung xa nơi chế biến, phòng ăn và được chuyển đi hàng ngày, không để ú đọng.	10/10	
41.	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và có giấy xác nhận đã tham gia còn hạn.	7/10	
42.	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể, nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ và được trang bị bảo hộ lao động làm việc theo quy định.	7/10	
43.	Có ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong đơn vị. Thời gian mắc: <i>khem</i> Số người mắc: Nguyên nhân: Biện pháp xử lý:		

VII. Công tác vệ sinh môi trường làm việc

44.	Xây dựng đề án bảo vệ môi trường.	✓	
45.	Thực hiện việc tổng vệ sinh đơn vị hàng tuần.	✓	
46.	Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hàng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ.	✓	
47.	Bố trí thùng rác có nắp trong phòng làm việc và tại các hành lang. Nơi chứa rác tập trung được che chắn. Thu gom và xử lý rác theo quy định.	✓	

48.	Hệ thống cống, rãnh kín để dẫn thoát nước mưa, nước thải, không rò rỉ, ú đọng gây ô nhiễm môi trường.	+	
49.	Nhà tiêu, hố tiêu phải đảm bảo vệ sinh theo quy định. Có khu vực rửa tay bằng xà phòng.	+	
VIII. Nguồn kinh phí			
50.	Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.	+	

VIII. Nguồn kinh phí

50. Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.

IV. NHÂN XÉT

4.1. Kết quả

4.2. Hạn chế, tồn tại

4.2. Hạn chế, tồn tại

- ...T.TYF...Chưa...quản lý...chắc...không...tồn...nhiều...lâu...và...không...đạt...kết...quả...[Khoa...Đức]....
- ...Kỹ...hút...xã...;...chưa...có...kỹ...hút...để...vẽ...mô...như...chứa...mực...;...phát...thải...)
- ...Không...có...thông...máy...[b...nắp...máy...];...phiếu...khai...để...chứa...dữ...đo...các...tạo...vật...]
- ...Bếp...gỗ...;...làng...tù...că...;...Kỹ...hút...xã...;...lưu...mau...&...lượng...đất...;...không...để...đi...kiểm...khá...s...biết...;...tủ...đựng...bát...chén...&...kính...để...lấy...chất...còn...]
- ...Má...au...au...thé...Toàn...A...không...không...biến...phai...không...rối...;
- ...Má...au...B.3...[S.I.N...A.S.P...hết...];...biến...không...tay...để...sấp...xếp...;
- ...Không...theo...A...chỉ...đo...;...lưu...mau...&...lượng...đất...;...không...quay...giày...không...că...;
- ...Không...tự...only...[t...?...garden...qu...;...2...1...plastic...l...husk...h...s...Kew...flour...H.D...D1...khía...au...chưa...có...G.L.N...];...D4...cang...tin...chưa...có...G.L.N....

V. KIÉN NGHỊ

5.1. Đơn vị được kiểm tra

5.2. Đoàn kiểm tra

.....Duy...lú...cóng...số...tuyến...luýc,...phó...đen...giả...dưa...chó...củi...kè
.....cóng...nháu...đen...hoa...vải...sát...lên...vẽ...cóng...số...phó...an...tròn...thuỷ
.....phai...phai...phép...chóng...dọc...tố...nau...xí...lợn...tai...nau...hurry...trép
.....phai...biết...lò...quán...iy...lέ...táo...đá...basa...vẽ...phép...chóng...olig
.....theo...mưa.....
.....Tang...cười...chết...chết...mè...mè...hồng...tòan...tù...vòng...kif...tuc...xu
.....và...chún...thuỷ...bì...sang...heit...I...háng...bań
.....Đè...ngly...nǚ...tù...vòng...yêu...cầu...cái...kép...đá...cóng...tin...khát
.....phuoc...ngay...cái...hủ...tai...vẽ...đen...kém...bu...tòan...thuỷ...phai...
.....và...bań...thuỷ...lát...số...cáp...cáp...an...tòan...thuỷ...phai...
.....Ta...Quang...Bùi...+...cóng...tin...hồng...kif...tuc...xu...)

Biên bản gồm 07 trang không tách rời, lập thành 02 bản có nội dung như nhau, làm xong hồi ...Ng. giờ ...50' cùng ngày, 01 bản để tại đơn vị được kiểm tra; 01 bản lưu tại Phòng Y tế quận Hai Bà Trưng.

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe và ký xác nhận.

**TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

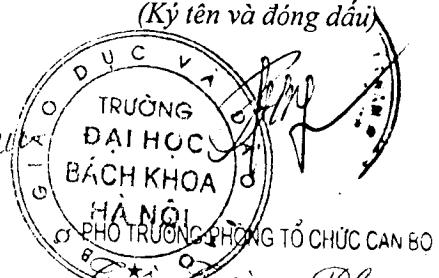
**THÀNH PHẦN
ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên và đóng dấu) →**

Quang
Cao Thị Hảo

Tuy
Kien Hoang long -
The Xuan Chi Ngoe.
M Ngo Sau, Hilong
General Bao Tuey Lan



Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2015

BIÊN BẢN

Giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch

Thực hiện công tác chủ động phòng chống dịch bệnh trên địa bàn Thành phố, Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố Hà Nội tiến hành giám sát công tác vệ sinh môi trường - phòng chống dịch sốt xuất huyết tại:

Trường.....Đại.....Học.....B.A.C.L.....Khoa.....Hà.....Nội.....

Địa chỉ:.....Đầu.....Cố.....Việt.....Hai.....Bà.....Trưng.....Hà.....Nội.....

THÀNH PHẦN ĐOÀN:.....

...Bs....Khùng....Minh....Trần....Phó....Giám....đốc....TTYT.AP....Hà....Nội....
...Ths....Đan....Lan....Hương....Trưởng....khoa....SKT....&....SKTK....
...Ch....Vũ....Khoa....Trung....
...CN....Trần....Kim....Duy....
.....

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

...PGS....Phạm....Hoa....Lương....Phó....kiêm....kiết....nhà....trường....
...TS....Bùi....Truyet....Lan....Khó....chủ....tịch....công....chân....
...Bs....Phan....Thú....Phu....Lương....GĐ....TTYT....nhà....trường....
...BS....Trường....Viết....Anh....Phó....hương....phòng....H.C.Th....
.....

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Thông tin chung

.....Trường....có....tổng....số....khoảng....15.000....sinh....năm....
.....Số....phường....huyện....
.....

.....Trong....năm....học....2014....2015....trường....không....có....bệnh....
...số....giá....xây....ra....
.....

2. Vệ sinh môi trường

... khung...cành...sỏi...phun...nhà...trường...xanh...sạch...tеп...
...Nhà...trường...có...nhé...đó...về...sạch...thường...xuất...etc...
...khu...võ...
...Rác...thiếc...túi...thu...gom...xân...chuyển...hang...ngày...
⊕...Trường...tang...tang...quai...bì...đan...khô...phục...cát...sỏi...
...cát...đá...thời...tiết...nên...còn...nhiều...phi...liệu...chống...dây...sợi...
...khung...sỏi...dung...;...cây...cát...kinh...võ...
+...khu...võ...gần...nhà...Đt...;...khu...võ...sản...D5...cát...ô...bê...gỗ...
.....

3. Vệ sinh ký túc xá, giảng đường

...khu...võ...ký...túc...xá...còn...nhiều...gạch...võ...cây...cát...
+...Gầm...cầu...thang...ký...túc...xá...giảng...chỗ...còn...nhiều...
...phi...liệu...
.....

4. Vệ sinh nguồn nước

...N.guồn...nước...sỏi...dung...trong...sinh...hoạt...chè...biển...thủy...phân...
...Nước...may...thanh...phè...nước...quê...khoan...qua...đec...
...Nước...rộng...cho...hoc...sinh...sinh...nên...Nước...uống...đóng...bình...
...Nhà...trường...đá...cát...cát...đô...xét...nghiem...nước...9/6/2015...lết...giả...dat...
...*...trạm...cấp...nước...
...Tháp...bán...thường...còn...nhiều...rèo...
...bể...ngâm...;...Chứa...cát...lít...cháy...còn...trùng...
.....

5. Công tác phòng chống dịch

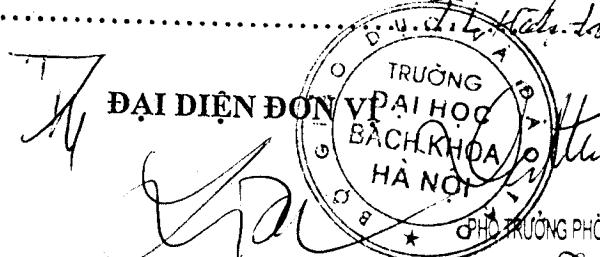
...Trường có 1 trung tâm y tế và 22 nhân viên (6 bác sĩ) phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho HS. V có 1 số trang thiết bị, thuốc, thiết yếu, phác đồ cấp cứu.....
...Trường đã được phun hóa chất thành khẩn mìn trưởng vào tháng 9.....
...Trường đã dùi túi ed sô hóa chất phòng chống dịch...
⇒ Bé chưa nôn ói tái JTYT chưa có khai an toàn.....

YÊU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ

....Ban Giám hiệu Trường tư học Bách Khoa đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh đặc biệt dịch sốt xuất huyết Đề nghị nhà trường:
1. Duy trì chế độ vệ sinh thường xuyên các khu vực...
2. Tiễn, đánh tông vệ sinh, xử lý ô hôi gây hại khu vực...
3. Tăng cường vệ sinh, thanh lý phe lều phe thái gầm cầu thang, khu bếp, túc xá, quang đường.....
4. Về sinh nguồn nước.....
5. Tăng cường che đậy vệ sinh tại trạm cấp nước đảm bảo an toàn... an ninh nguồn nước tại các bể chứa nước...
6. Rèm súng khóa an toàn tại bể chứa nước JTYT.....
3. Y tế, công tác phòng chống dịch.....
...Đảm bảo hoá chất phòng chống dịch, và số thuốc, trang thiết bị luôn trong tủ thuốc sẵn sàng trực cấp cứu.....
...Thường xuyên giám sát và sinh môi trường, phe, truyề vè công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch sốt xuất huyết.

Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ

.....Nhất trí với ý kiến của đoàn.....
.....



ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT

Bùi Thị Tuyết Lan

PGS.TS. Trương Việt Anh

Khổng Minh Tuấn



QUẬN HAI BA TRUNG
ĐOÀN KIỂM TRA LIÊN NGÀNH

PHÒNG Y TẾ

Số 56 /BBKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận Hai Ba Trung, ngày 08 tháng 06 năm 2014

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Công tác Y tế và phòng chống dịch bệnh

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội – Bộ Y tế về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động trong cơ sở lao động;

Thực hiện kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 13/06/2014 của UBND quận Hai Ba Trung về việc kiểm tra công tác y tế và phòng chống dịch bệnh tại các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp, trường đại học trên địa bàn quận Hai Ba Trung,

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc triển khai công tác y tế và phòng chống dịch bệnh tại:Tỉnh...đại...học....Bac...khoa.....
.....Sé...Dai...cô...lai.....

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Bác...hau...thi...hưng..... Chức vụ: ...Bác...thi...hưng...Chị...lai...công...
2. Bác...Ngô...lau...Huy...ng..... Chức vụ: ...C.V...phát...y...tế...
3. Bác...Thái...Khang...Nhì...ng... Chức vụ: ...C.V...phát...y...tế...
4. Bác...Ca...Thi...Huy..... Chức vụ: ...C.V...phát...y...tế...
5. Chức vụ:
6. Chức vụ:
7. Chức vụ:
8. Chức vụ:
9. Chức vụ:
10. Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

1. Chức vụ:
2. Name...Ngô...Thi...Hưng..... Chức vụ: ...Giđ...ITYT...
3. Hu...ng...Huy...Nhì... Chức vụ: ...Phó...Giđ.II...
4. ...Thái...Phu...Công...Hà... Chức vụ: ...Giđ.II...

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Nội dung kiểm tra, đánh giá	Có	Không
I. Công tác chỉ đạo			
1.	Thành lập Ban chỉ đạo CSSKBD và phòng chống dịch của đơn vị, đại diện lãnh đạo đơn vị làm Trưởng ban.	✗	
2.	Có văn bản hoặc tổ chức các cuộc họp, hội nghị phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác y tế, phòng chống dịch, phòng chống HIV/AIDS của đơn vị.	✗	
3.	Xây dựng các tình huống về y tế tại cơ sở, chuẩn bị sẵn sàng các phương án và tình huống cấp cứu, phòng chống dịch bệnh hàng năm của đơn vị.	✗	
4.	Thực hiện các báo cáo về quản lý sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, phòng chống dịch đối với cơ quan y tế định kỳ đột xuất hoặc khi có yêu cầu.	✗	
II. Công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, nhân viên			
5.	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và phân loại sức khỏe CBNV.	✗	
6.	Thực hiện lưu giữ và theo dõi hồ sơ sức khỏe tuyển dụng, hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, hồ sơ bệnh nghề nghiệp (nếu có).	✗	
7.	Thực hiện cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh thông thường, sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định hiện hành. Chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế trong những trường hợp cần thiết.	✗	
III. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và cán bộ y tế đảm bảo công tác y tế của đơn vị			
8.	Phòng Y tế ở vị trí thuận lợi cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.	✗	
9.	Đảm bảo vệ sinh khu vực xung quanh phòng Y tế và trong phòng Y tế. Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế và sinh hoạt theo quy định.	✗	
10.	Có tủ thuốc được trang bị các loại thuốc thiết yếu; có danh mục, sổ quản lý, kiểm tra và đối chiếu xuất, nhập thuốc theo quy định.	✗	
11.	Có các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu phục vụ sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBNV; Có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi.	✗	

12.	Có bàn, ghế, tủ, thiết bị làm việc thông thường khác.	X	
13.	Nhân viên làm công tác y tế: Bác sĩ: Y sĩ: Điều dưỡng: Khác:		
14.	Tham gia vào các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn do ngành y tế hoặc cơ quan khác tổ chức hàng năm.	X	
15.	Tham mưu với lãnh đạo đơn vị lập kế hoạch công tác y tế của đơn vị, đề xuất kỷ luật, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.	X	

IV. Công tác phòng chống dịch bệnh

16.	Có kế hoạch triển khai các quy định về vệ sinh phòng chống bệnh.	X	
17.	Thông tin, báo cáo kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra trong đơn vị với các cấp có thẩm quyền theo quy định.	X	
18.	Phối hợp với các cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan để triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời khi có dịch xảy ra.	X	
19.	Số ca dịch bệnh đã mắc thống kê đến thời điểm kiểm tra, cụ thể: Sốt xuất huyết: Cúm: Sởi: Tay Chân Miệng: Thủy đậu: Khác:		

V. Công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tai nạn, thương tích

20.	Thành lập bộ phận an toàn vệ sinh lao động.	X	
21.	Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ trong đơn vị.	X	
22.	Xây dựng kế hoạch về kỹ thuật vệ sinh lao động động hàng năm, cải thiện điều kiện làm việc, lắp đặt hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc, hệ thống chiếu sáng, vách ngăn tiếng ồn, hệ thống chống rung sóc; cách ly vi sinh vật gây hại; cải tạo nhà tắm; nhà vệ sinh; đo kiểm môi trường lao động...	X	
23.	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn, thương tích trong đơn vị.	X	

24.	Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn lao động, huấn luyện, tập huấn an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong đơn vị.	+	
25.	Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.	+	
26.	Cán bộ phụ trách công tác an toàn vệ sinh lao động của đơn vị có hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn, kỹ thuật phòng chống cháy nổ, kỹ thuật môi trường, vệ sinh lao động. Tham gia vào các cuộc họp giao ban, tổng kết của đơn vị kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch an toàn vệ sinh lao động.	+	
27.	Theo dõi tình hình thương tích, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; đề xuất với lãnh đạo đơn vị khi phát hiện các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ, các biện pháp quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động. Tổng hợp, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.	+	

VII. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

28.	Bếp ăn phục vụ suất ăn/ngày. Bếp ăn được thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm sốngày.....tháng.....năm.....		
29.	Bếp ăn được bố trí với diện tích phù hợp, cách biệt với nhà vệ sinh và các nguồn ô nhiễm khác đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường.	+	
30.	Bếp ăn được thiết kế, xây dựng bằng vật liệu sáng màu, không thâm nước, dễ lau chùi cọ rửa.	+	
31.	Bếp ăn được thiết kế và tổ chức theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng.	+	
32.	Có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản và sử dụng riêng đối với thực phẩm tươi sống và đã qua chế biến.	+	
33.	Việc sơ chế, bảo quản thực phẩm được để ở trên giá hoặc bàn cao cách mặt đất ít nhất 60cm.	+	
34.	Nhà ăn đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát. Mỗi bàn ăn có một thùng đựng rác có nắp đậy. Có nơi rửa tay bằng xà phòng. Có các biện pháp để ngăn ngừa côn trùng, động vật gây hại.	+	
35.	Dụng cụ chế biến, bảo quản thức ăn, phòng ăn, bàn ăn, bàn chế biến thực phẩm, kho chứa, nơi bảo quản thực phẩm được vệ sinh hàng ngày.	+	

36.	Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm có nguồn gốc và bảo đảm an toàn: Hợp đồng nguồn cung cấp thực phẩm, sổ ghi chép thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước đầy đủ theo quy định.	+	
37.	Có đủ dụng cụ lưu mẫu thức ăn, tủ bảo quản lưu mẫu thức ăn lưu, đảm bảo lưu mẫu thức ăn tại cơ sở ít nhất 24h kể từ khi thức ăn được chế biến xong.	+	
38.	Đủ nước sạch để duy trì các sinh hoạt bình thường của cơ sở. Nước dùng để sơ chế nguyên liệu thực phẩm, vệ sinh dụng cụ, rửa tay được cơ sở gửi mẫu nước đi xét nghiệm hàng năm.	+	
39.	Công rãnh khu vực chế biến, nhà bếp đảm bảo thông thoáng, không ngập nước, đọng nước, có nắp đậy, không lộ thiên.	+	
40.	Bố trí thùng chứa rác hoặc thức ăn thừa có nắp đậy, không có rác rơi vãi xung quanh và nước thải rò rỉ ra ngoài. Rác được tập trung xa nơi chế biến, phòng ăn và được chuyển đi hàng ngày, không để ú đọng.	+	
41.	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và có giấy xác nhận đã tham gia còn hạn.	+	
42.	Chủ cơ sở và nhân viên phục vụ trong bếp ăn tập thể, nhà ăn được khám sức khỏe định kỳ và được trang bị bảo hộ lao động làm việc theo quy định.	+	
43.	Có ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong đơn vị. Thời gian mắc: Số người mắc: Nguyên nhân: Biện pháp xử lý:		

VII. Công tác vệ sinh môi trường làm việc

44.	Xây dựng đề án bảo vệ môi trường.	+	
45.	Thực hiện việc tổng vệ sinh đơn vị hàng tuần.	+	
46.	Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm, quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ.	+	
47.	Bố trí thùng rác có nắp trong phòng làm việc và tại các hành lang. Nơi chứa rác tập trung được che chắn. Thu gom và xử lý rác theo quy định.	+	

48.	Hệ thống cống, rãnh kín để dẫn thoát nước mưa, nước thải, không rò rỉ, úr đọng gây ô nhiễm môi trường.	✓	
49.	Nhà tiêu, hố tiêu phải đảm bảo vệ sinh theo quy định. Có khu vực rửa tay bằng xà phòng.	✗	
VIII. Nguồn kinh phí			
50.	Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.	✗	

VIII. Nguồn kinh phí

50. Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.

IV. NHÂN XÉT

4.1. Kết quả

Khiết quả: $\frac{1}{2} \times 0,4 = 0,2$ công tin, $0,4 \times 60\% = 0,24$ công tin
Công tin: Hỗn hợp $\frac{1}{2}$ tinh xá + $\frac{1}{2}$ tinh sáp = $\frac{1}{2} \times 0,2 + \frac{1}{2} \times 0,24 = 0,22$
 $0,22 \times 100\% = 22\%$

4.2. Han ché, tòn tai

...Có...kết...nối...chưa...mặc...cấp...quý...hứng...nhé...ATTB...[sau...16...NCSau...]
...để...sắp...xíp...lại...!...dùng...lá...cây...cứa...về...si...giúp...nghỉ...?...
...QĐ103...nhìn...nhìn...!...Hàng...tứ...tứ...và...lắp...hết...mìn...!...dùng...
...núi...mìn...núi...etc...lao...qua...!P...

V. KIẾN NGHỊ

5.1. Đơn vị được kiểm tra

5.2. Đoàn kiểm tra

...lặng...chẳng...còn...tại.., huyền...khuynh...phóng...chồng...diết...loài.., chín...
...au...khác...Hàn...phản...lẽ...nau...xu...hỗ...phóng...chồng...H.L.H.T.D.S....
...phiên...hợp...vì...cô...cô...quán...ý...lẽ...lý...cô...lâm...yêu...võ...tai...phát
...chênh...diết...lết...phát...lâm...và...xu...lý...kip...thác...đ...cực....
...Bé...hi...muỗi...Mù...mù...đè...chết...tay...lò...mù...chết...quý...chết....
...lời...võng...xét...nghe...sát...quảng...thông...chết...chết...chết...
...ky...tắc...xa...cứ...nút...túi...
...Cô...bếp...cũ...lắp...Hết...ô...siêu...thi...A.W.H...chân...lava...ctoxic...cấp...
...quý...chênh...nét...cô...sí...chết...chết...kết...A.J.P...Quân...kết...tia...
...yêu...cũ...ct...chia...hết...dam...chêng...kết...clear...cô...cô...cô...nisi...
...lắp...Hết...chết...nét...tui...cô...quý...cô...kip...A.G...B.B.K.A.H.P.

Biên bản gồm 07 trang không tách rời, lập thành 02 bản có nội dung như nhau, làm xong hồi .../../.. giờ ...:.. cùng ngày, 01 bản để tại đơn vị được kiểm tra; 01 bản lưu tại Phòng Y tế quận Hai Bà Trưng.

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe và ký xác nhận.

**TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THÀNH PHẦN
ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký tên và đóng dấu)

Đinh
Đinh Thị Dung

Thú
Cao Thị Thu


Ngoc Lan Thuy


Kien Hong Nhung



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ
S. Pham Hoang Phuong

24.11/QĐ-ĐHBK-TTYT

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi Trung tâm Ký túc xá sinh viên Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Đầu thầu số 43 / 2013 / QH 13 ngày 26 / 11 / 2013;

Căn cứ vào nghị định 63 / 2014 / NĐ – CP ngày 26 / 6 / 2014;

Căn cứ Thông tư số: 68 /2012/ TT – BTC ngày 26 / 4 / 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ “ Điều lệ trường đại học “ ban hành quyết định số 58 / 2010 / QĐ – TTg ngày 22 / 9 / 2010 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định phân cấp số : 2077/QĐ-BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 05 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định nhiệm vụ ,quyền hạn của Hiệu trưởng các trường Đại học trực thuộc;

Căn cứ bản dự trù kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2014 – 2015 của Giám đốc Trung tâm Y tế;

Căn cứ vào quyết định số 440 / QĐ - ĐHBK - TTYT ký ngày 12 / 03 / 2015 của Ban Giám hiệu nhà trường;

Căn cứ vào các báo giá;

Kết đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi, diệt côn trùng Ký túc xá sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Tên đơn vị cung cấp dịch vụ : Công ty Cổ phần Phúc Trường Thành Hà Nội.

Giá trị hợp đồng : 60.496.700 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng)

Thời gian thực hiện hợp đồng : 01 tháng.

Hình thức hợp đồng : Trọn gói .

Điều 2. Trích từ nguồn kinh phí Chăm sóc sức khoẻ ban đầu năm 2015 - 2016
của Bảo hiểm Ytế số tiền là: 60.496.700 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi
tám nghìn bảy trăm đồng) để tổ chức phun thuốc muỗi, diệt bọ chét Ký túc xá sinh
viên phòng chống bệnh sốt xuất huyết và các bệnh khác.

Điều 3. Giao cho Trung tâm yté, Trung tâm Ký túc xá sinh viên, phòng Kế
hoạch Tài vụ, Hội sinh viên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các công
việc đã nêu ở điều 1 và nghiệm thu theo đúng các qui định của Nhà nước và qui chế
của Trường.

Điều 4. Các Ông, Bà Giám đốc Trung tâm yté, Trung tâm Ký túc xá ,trưởng
phòng Kế hoạch –Tài vụ , Hội sinh viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

Ban giám hiệu ;
Như Điều 4;
Lưu TTYT



HỢP ĐỒNG DIỆT TRÙ CÔN TRÙNG HẠI

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết hiện hành pháp lệnh HĐKT và các văn bản kèm theo.
- Căn cứ các Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999, số 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 và số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003 của Chính phủ về Quy chế đấu thầu.
- Căn cứ vào bộ luật dân sự và luật thương mại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 14/6/2005.
- Căn cứ vào QĐ số 440/QĐ-ĐHBK-TTYT của ban giám hiệu nhà trường, ký ngày 12/03/2014
- Căn cứ vào quyết định số 2411/QĐ-ĐHBK-TTYT của Ban Giám hiệu nhà trường, ký ngày 01/10/2015 về việc chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi.
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2015 chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 01 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 04 38692400

Số tài khoản : 12210000070302 – tại: Chi nhánh ngân hàng Đầu tư phát triển Hà Thành – phòng giao dịch Bách Khoa.

Mã số thuế: 0101800757

Đại diện bởi: PGS. Phạm Hoàng Lương - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Người thực hiện: BS. Phạm Hoàng Phương - Chức vụ: Giám đốc TT y tế

II. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC TRƯỜNG THÀNH HÀ NỘI.

Ông : Lê Mạnh Cường Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 2, số 1068 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 043.7606265 Mobile: 0914.5555.61

Tài khoản số: 102010001784907 Tại : Ngân hàng TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - Thanh Xuân - Hà Nội

Mã số thuế : 0105998120

Hai bên đã cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng diệt trừ côn trùng hại với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng và nội dung công việc.

- Bên B nhận làm cho bên A: Phun diệt muỗi và các côn trùng gây hại.
- Bên B nhận thực hiện công tác phòng trừ các đối tượng sinh vật hại (Ruồi, muỗi, kiến, gián...) cho toàn bộ khu vực nhà và khuôn viên bao quanh khu vực Ký túc xá B3,B5,B5bis,B6,B7,B8,B9,B10,B13,B13bis,CLB văn hóa và trung tâm y tế.

Điều 2: Tiến độ

Thời hạn thực hiện : 1 tháng.

Tiến độ: 02 / 10 / 2015

Điều 3: Chi phí thực hiện và điều khoản thanh toán và hóa chất sử dụng

1. Giá trị hợp đồng: 60.496.700 [Đã bao gồm V.A.T]

[Bảng chữ: Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng]

Đơn giá: 2.150 đ/m² (Chưa bao gồm thuế V.A.T)

Diện tích: 25.580 m²

Thành tiền: $2.150đ/m^2 \times 25.580m^2 = 54.997.000$ đồng
Thuế VAT 10% $5.499.700$ đồng
Tổng Cộng: $60.496.700$ đồng

2. Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản.

3. hóa chất sử dụng:

Là loại hóa chất an toàn, không độc hại cho con người và môi trường. Thuốc nằm trong danh mục cho phép của bộ Y Tế và bộ Nông Nghiệp

- Permethrin 50EC (thuốc nhập khẩu Anh Quốc)
- Icon 2,5CS (Syngenta – Anh Quốc)
- UK 50EC (Nhập khẩu Anh Quốc)

Sau khi hoàn thành xong công việc thì bên A phải thanh toán [chuyển khoản] đầy đủ cho bên B như đã thỏa thuận.

Điều 4: Trách nhiệm thực hiện hợp đồng của mỗi bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Tạo điều kiện mặt bằng cho bên thi công.
- Tạo điều kiện về điện và nước phục vụ thi công.

2. Trách nhiệm bên B:

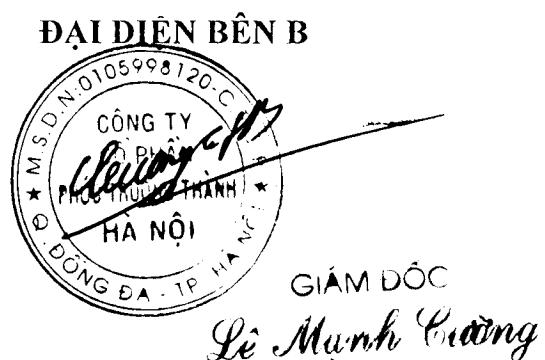
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động và sử dụng thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.
- Đảm bảo chất lượng phun diệt muỗi và các côn trùng gây hại cho công trình.

Điều 5: Điều khoản cuối cùng

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi hoàn cho bên bị thiệt hại theo đúng luật hợp đồng kinh tế.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài các điều khoản đã cam kết ở trên, hai bên phải thông báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc thống nhất biện pháp giải quyết.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 3 bộ bên B giữ 1 bộ có giá trị pháp lý như nhau.



NGƯỜI THỰC HIỆN:



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

BS. Phan Nhung Phuong

Số: 44 / QĐ-ĐHBK-TTYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ định đơn vị cung cấp dịch vụ diệt chuột Trung tâm Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43 / 2013 / QH 13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 / 11 / 2013

Căn cứ Quyết định phân cấp số : 2077/QĐ-BGDDT-KHTC ngày 17 tháng 05 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định nhiệm vụ ,quyền hạn của Hiệu trưởng các trường Đại học trực thuộc;

Căn cứ thông tư số 14 / 2007 / TT – BTC về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các y tế của các trường học;

Căn cứ vào các báo giá;

Căn cứ vào quyết định số 440 ký ngày 12 / 03 / 2015 của Ban giám hiệu nhà trường; Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ diệt chuột Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ : Công ty Cổ phần Phúc Trường Thành Hà Nội
- Giá trị hợp đồng : 66.124.300 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm đồng)
- Thời gian thực hiện hợp đồng : 01 tháng.
- Hình thức hợp đồng : Trọn gói .

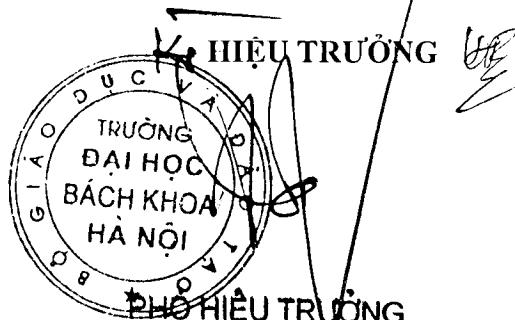
Điều 2. Trích từ nguồn kinh phí Chăm sóc sức khoẻ ban đầu năm 2014 - 2015 của bảo hiểm Ytế số tiền là: : 66.124.300 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm đồng) để tổ chức diệt chuột Ký túc xá sinh viên , Trung tâm y tế để phòng chống dịch bệnh .

Điều 3. Giao cho Trung tâm y tế, Trung tâm Ký túc xá sinh viên, phòng Kế hoạch Tài vụ, Hội sinh viên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các công việc đã nêu ở điều 1 và nghiệm thu theo đúng các qui định của Nhà nước và qui chế của Trường.

Điều 4. Các Ông, Bà Giám đốc Trung tâm y tế, Trung tâm Ký túc xá ,trưởng phòng Kế hoạch – Tài vụ , Hội sinh viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Ban giám hiệu ;
- Như Điều 4;
- Lưu TTYT



PGS. Phạm Hoàng Lương

HỢP ĐỒNG DIỆT CHUỘT

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết hiện hành pháp lệnh HĐKT và các văn bản kèm theo.
- Căn cứ các Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999, số 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 và số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003 của Chính phủ về Quy chế đấu thầu.
- Căn cứ vào bộ luật dân sự và luật thương mại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 14/6/2005.
- Căn cứ vào công văn số 05/CV-DHBK-TTYT ký ngày 07/03/2015 về việc phê duyệt kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2014-2015.
- Căn cứ vào quyết định số 440/QĐ-DHBK-TTYT ký ngày 12/03/2015 của Ban giám hiệu nhà trường.
- Căn cứ vào quyết định số 441/QĐ-DHBK-TTYT của Ban Giám hiệu nhà trường, ký ngày 12/03/2015 về việc chỉ định nhà cung cấp dịch vụ diệt chuột.
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của các bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 03 năm 2015 chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 01 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 04 38692400

Số tài khoản : 12210000070302 – tại: Chi nhánh ngân hàng Đầu tư phát triển Hà Thành – phòng giao dịch Bách Khoa.

Mã số thuế: 0101800757

Đại diện bởi: PGS. Phạm Hoàng Lương - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Người thực hiện: BS. Phạm Hoàng Phương - Chức vụ: Giám đốc TT y tế

II. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC TRƯỜNG THÀNH HÀ NỘI.

Ông : Lê Mạnh Cường Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 2, số 1068 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 043.7606265 Mobile: 0914.5555.61

Tài khoản số: 102010001784907 Tại : Ngân hàng TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - Thanh Xuân - Hà Nội

Mã số thuế : 0105998120

Hai bên đã cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng diệt chuột với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng và nội dung công việc.

- Bên B nhận làm cho bên A: diệt chuột.
- Bên B nhận thực hiện công tác diệt chuột cho toàn bộ khu vực nhà và khuôn viên bao quanh khu vực Ký túc xá
B3,B5,B5bis,B6,B7,B8,B9,B10,B13,B13bis,CLB văn hóa và trung tâm y tế.

Điều 2: Tiến độ

Thời hạn thực hiện : từ ngày 17/03/2015 đến ngày 17/04/2015

THÁNG	Tuần	Công Việc	Thời Gian	Số Ngày
	Tuần 1	Đặt mồi, đặt bẫy	15-17H	7
	Tuần 2	Kiểm tra và thu gom	8-10H	5
	Tuần 3	Đặt mồi, đặt bẫy	15-17H	3
	Tuần 4	Kiểm tra và thu gom	8-10H	3

Theo thứ tự của các tuần:

- thứ 2 thời gian chiều từ 15h-17h tiến hành đặt mồi và đặt bẫy
- thứ 3 thời gian sáng từ 8h-10h tiến hành kiểm tra và thu gom chuột chết
- thứ 4 thời gian chiều từ 15h-17h tiến hành đặt mồi và đặt bẫy kết hợp kiểm tra
- thứ 5 thời gian sáng từ 8h-10h tiến hành kiểm tra và thu gom chuột chết
- thứ 7 thời gian chiều từ 15h-17h tiến hành đặt mồi và đặt bẫy kết hợp kiểm tra

Điều 3: Chi phí thực hiện và điều khoản thanh toán và hóa chất sử dụng

1. Giá trị hợp đồng: 66.124.300 [Đã Bao gồm V.A.T]

[*Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm đồng chẵn*]

Đơn giá: 2.350đ/m² (Chưa bao gồm thuế V.A.T)

Tổng Diện Tích: 25.580M²

Thành tiền: 25.580M² X 2.350Đ/M² = 60.113.000 đồng

Thuế VAT 10% 6.011.300 đồng

Tổng Cộng: 66.124.300 đồng

2. Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản.

3. Hóa chất sử dụng:

Là loại hóa chất an toàn, không độc hại cho con người và môi trường. Thuốc Và bẫy nằm trong danh mục cho phép của bộ Y Tế và bộ Nông Nghiệp

- STORM (BASF — CHLB Đức)

- RACUMIN (BASF Đức)

- BIORAT (BASF Đức)

- Các Loại Bẫy Chuyên Dụng Nhập Khẩu Từ Hàn Quốc Và Nhật Bản

4. Phương thức thực hiện:

Đặt thuốc diệt chuột và các loại bẫy chuyên dụng vào các điểm trọng tâm, ngóc ngách, hang ổ của chuột,khoảng cách các điểm từ 30 đến 50m{tùy theo vị trí đặt}.

a.Khu vực bên trong nhà

Đối với các tầng các phòng [trong nhà], để tránh các loại côn trùng làm hỏng đến môi thì đơn vị chúng tôi sẽ sử dụng các loại bẫy chuyên dụng để có thể vừa mang tính chất an toàn và có thể đạt được hiệu quả cao nhất, không gây ô nhiễm môi trường.

b. Khu vực bên ngoài nhà

Khu vực vị trí bên ngoài [khuôn viên], chính là nơi ẩn náu và sự sinh sản của chuột vì vậy để có thể dễ dàng kiểm soát, và thu gom chuột chúng tôi sẽ đặt các loại mồi có tính chất dẫn dụ chuột để chuột sẽ tự lây lan tự tiêu diệt lẫn nhau và đạt được hiệu quả cao nhất

Sau khi hoàn thành xong công việc thì bên A phải thanh toán [chuyển khoản] đầy đủ cho bên B như đã thỏa thuận.

Điều 4: Trách nhiệm thực hiện hợp đồng của mỗi bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Tạo điều kiện mặt bằng cho bên thi công.
- Tạo điều kiện về điện và nước phục vụ thi công.

2. Trách nhiệm bên B:

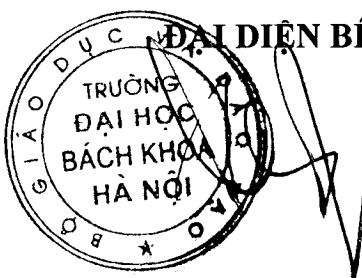
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động và sử dụng thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.
- Đảm bảo chất lượng diệt chuột cho công trình.

Điều 5: Điều khoản cuối cùng

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi hoàn cho bên bị thiệt hại theo đúng luật hợp đồng kinh tế.

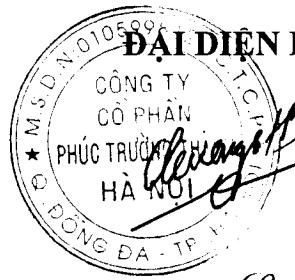
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài các điều khoản đã cam kết ở trên, hai bên phải thông báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc thống nhất biện pháp giải quyết.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 3 bộ bên B giữ 1 bộ có giá trị pháp lý như nhau.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. Phạm Hoàng Lương



NGƯỜI THỰC HIỆN:

GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Cường

GIAM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ
BS. Phạm Hoàng Phương

Số: 442/QĐ-DHBK-TTYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ định đơn vị cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi Trung tâm Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43 / 2013 / QH 13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 / 11 / 2013

Căn cứ Quyết định phân cấp số : 2077/QĐ-BGDDT-KHTC ngày 17 tháng 05 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định nhiệm vụ ,quyền hạn của Hiệu trưởng các trường Đại học trực thuộc;

Căn cứ thông tư số 14 / 2007 / TT – BTC về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các y tế của các trường học;

Căn cứ vào các báo giá;

Căn cứ vào quyết định số 440 ký ngày 12 / 03 / 2015 của Ban giám hiệu nhà trường;
Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi, diệt côn trùng Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ : Công ty Cổ phần Phúc Trường Thành Hà Nội

- Giá trị hợp đồng : 60.496.700 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng)

- Thời gian thực hiện hợp đồng : 01 tháng.

- Hình thức hợp đồng : Trọn gói .

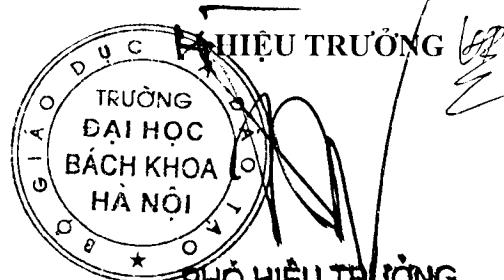
Điều 2. Trích từ nguồn kinh phí Chăm sóc sức khoẻ ban đầu năm 2014 - 2015 của Bảo hiểm Y tế số tiền là: 60.496.700 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) để tổ chức phun thuốc muỗi, diệt bọ chét Ký túc xá sinh viên phòng chống bệnh sốt xuất huyết và các bệnh khác.

Điều 3. Giao cho Trung tâm y tế, Trung tâm Ký túc xá sinh viên, phòng Kế hoạch Tài vụ, Hội sinh viên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các công việc đã nêu ở điều 1 và nghiệm thu theo đúng các qui định của Nhà nước và qui chế của Trường.

Điều 4. Các Ông, Bà Giám đốc Trung tâm y tế, Trung tâm Ký túc xá ,trưởng phòng Kế hoạch –Tài vụ , Hội sinh viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Noi nhận :

- Ban giám hiệu ;
- Như Điều 4;
- Lưu TTYT



PGS. Phạm Hoàng Lương

HỢP ĐỒNG DIỆT TRÙ CÔN TRÙNG HẠI

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/09/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết hiện hành pháp lệnh HĐKT và các văn bản kèm theo.
- Căn cứ các Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999, số 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 và số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003 của Chính phủ về Quy chế đấu thầu.
- Căn cứ vào bộ luật dân sự và luật thương mại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 14/6/2005.
- Căn cứ vào công văn số 05/CV-DHBK-TTYT ký ngày 07/03/2015 về việc phê duyệt kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2014-2015.
- Căn cứ vào quyết định số 440/QĐ-DHBK-TTYT của Ban Giám hiệu nhà trường, ký ngày 12/03/2015 về việc chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi.
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của các bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 03 năm 2015 chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 01 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 04 38692400

Số tài khoản : 12210000070302 – tại: Chi nhánh ngân hàng Đầu tư phát triển Hà Thành – phòng giao dịch Bách Khoa.

Mã số thuế: 0101800757

Đại diện bởi: PGS. Phạm Hoàng Lương – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Người thực hiện: BS. Phạm Hoàng Phương – Chức vụ: Giám đốc TT y tế

II. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC TRƯỜNG THÀNH HÀ NỘI.

Ông : Lê Mạnh Cường Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 2, số 1068 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 043.7606265 Mobile: 0914.5555.61

Tài khoản số: 102010001784907 Tại : Ngân hàng TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - Thanh Xuân - Hà Nội

Mã số thuế : 0105998120

Hai bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng diệt trừ côn trùng hại với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng và nội dung công việc.

- Bên B nhận làm cho bên A: Phun diệt muỗi và các côn trùng gây hại.
- Bên B nhận thực hiện công tác phòng trừ các đối tượng sinh vật hại (Ruồi, muỗi, kiến, gián...) cho toàn bộ khu vực nhà và khuôn viên bao quanh khu vực Ký túc xá B3,B5,B5bis,B6,B7,B8,B9,B10,B13,B13bis,CLB văn hóa và trung tâm y tế.

Điều 2: Tiết độ

Thời hạn thực hiện : 25/03/ 2015

Điều 3: Chi phí thực hiện và điều khoản thanh toán và hóa chất sử dụng

1. Giá trị hợp đồng: 60.496.700 [Đã Bao gồm V.A.T]

[*Bằng chữ: Sáu mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*]

Đơn giá: 2.150 đ/m² (Chưa bao gồm thuế V.A.T)

Điện tích: 25.580 m²

Thành tiền: 2.150đ/m² X 25.580m² = 54.997.000 đồng

Thuế VAT 10% 5.499.700 đồng

Tổng Cộng: 60.496.700 đồng

2. Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản.

3. hóa chất sử dụng:

Là loại hóa chất an toàn, không độc hại cho con người và môi trường. Thuốc nằm trong danh mục cho phép của bộ Y Tế và bộ Nông Nghiệp

- Permethrin 50EC (thuốc nhập khẩu Anh Quốc)
- Icon 2,5CS (Syngenta – Anh Quốc)
- UK 50EC (Nhập khẩu Anh Quốc)

Sau khi hoàn thành xong công việc thì bên A phải thanh toán [chuyển khoản] đầy đủ cho bên B như đã thỏa thuận.

Điều 4: Trách nhiệm thực hiện hợp đồng của mỗi bên

1. Trách nhiệm bên A:

- Tạo điều kiện mặt bằng cho bên thi công.
- Tạo điều kiện về điện và nước phục vụ thi công.

2. Trách nhiệm bên B:

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động và sử dụng thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

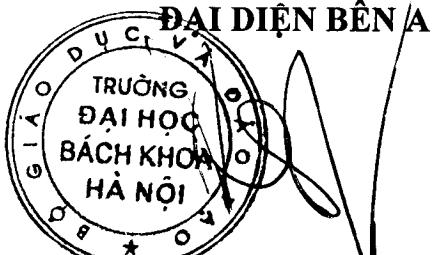
- Đảm bảo chất lượng phun diệt muỗi và các côn trùng gây hại cho công trình.

Điều 5: Điều khoản cuối cùng

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi hoàn cho bên bị thiệt hại theo đúng luật hợp đồng kinh tế.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh ngoài các điều khoản đã cam kết ở trên, hai bên phải thông báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc thống nhất biện pháp giải quyết.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 3 bộ bên B giữ 1 bộ có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ HIỆU TRƯỜNG
PGS. Phạm Hoàng Lương



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Cường

NGƯỜI THỰC HIỆN:

A handwritten signature in black ink, appearing to read "BS. Phạm Hoàng Phương".

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ
BS. Phạm Hoàng Phương

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi Trung tâm Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế trường đại học Bách Khoa Hà Nội.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43 / 2013 / QH 13 ngày 26 / 11 / 2013;

Căn cứ nghị định 63 / 2014 / ND - CP ngày 26 / 6 / 2014;

Căn cứ thông tư số: 68 / 2012 / TT - BTC ngày 26 / 4 / 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ " Điều lệ trường đại học" ban hành quyết định số 58/ 2010/ QD - TTg ngày 22 / 9 / 2010 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định phân cấp số: 2077 / QĐ - BGD ĐT - KHTC ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng các trường đại học trực thuộc;

Căn cứ vào Bản dự trù kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2016 - 2017 của Giám đốc Trung tâm y tế;

Căn cứ vào quyết định số: 2528/ QĐ - ĐHBK - TTYT ký ngày 01 / 11 / 2016 về việc thanh toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2016 - 2017

Căn cứ vào các báo giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế trường đại học Bách Khoa Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Chỉ định nhà cung cấp dịch vụ phun thuốc muỗi Trung tâm Ký túc xá sinh viên và Trung tâm y tế trường đại học Bách Khoa Hà Nội.

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phúc Trường Thành Hà Nội.

- Giá trị hợp đồng: 73.158.800 đồng(Bảy mươi ba triệu một trăm năm tám nghìn tám trăm đồng).

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng

- Loại hợp đồng: trọn gói.

ĐIỀU 2: Trích từ nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2016 - 2017 của Bảo hiểm y tế để tổ chức phun thuốc muỗi; diệt bọ chét Ký túc xá sinh viên và Trung tâm Y tế phòng chống bệnh sốt xuất huyết và các bệnh khác.

ĐIỀU 3: Giao cho Trung tâm y tế, Trung tâm Ký túc xá sinh viên, phòng kế hoạch tài vụ phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các công việc đã nêu ở điều 1 và nghiệm thu theo đúng các quy định của nhà nước và quy chế của trường.

ĐIỀU 4: Các Ông, Bà giám đốc Trung tâm y tế, giám đốc Trung tâm Ký túc xá, trưởng phòng kế hoạch tài vụ và thủ trưởng các đơn vị có quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như điều 4;
- Lưu TTYT.



Chức năng phòng bảo vệ ANTT, PCCC:

<http://www.hust.edu.vn/web/vi/phong-bao-ve>

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI KHÓA XXVIII
NHIỆM KỲ 2010 – 2015**

ĐOÀN KẾT, TRÍ TUỆ, NĂNG ĐỘNG, HIỆU QUẢ

KHÁI QUÁT CHUNG

Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội lần thứ XXVIII được tổ chức ngày 4-5/5/2010, đến nay đã được hơn 5 năm. Nhiệm kỳ 2010-2015 xác định là giai đoạn tăng tốc, tiếp tục đưa Trường ĐHBK Hà Nội tiến lên theo định hướng trong Quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 2006 - 2030, với mục tiêu: "*Kết thừa và phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, chủ động trong tiến trình tự chủ, tiếp tục đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa, chuẩn hóa, hội nhập quốc tế, khẳng định và phát huy vị thế trường trọng điểm về khoa học công nghệ trong nước và quốc tế*". Nhiệm kỳ 2010-2015 cũng là nhiệm kỳ đặt những viên gạch đầu tiên cho việc thực hiện cơ chế tự chủ từng phần, chuẩn bị đón nhận cơ chế tự chủ hoàn toàn về mọi mặt hoạt động của Trường.

Năm năm của nhiệm kỳ 2010-2015, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc; nhiều sự kiện lớn, quan trọng của đất nước đã diễn ra, tiêu biểu như: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và bầu cử Quốc hội khóa XIII; Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” trong toàn Đảng, toàn dân tiếp tục được mở rộng, đã và đang có tác động sâu sắc lên các mặt của đời sống xã hội. Đặc biệt đợt học tập và kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết TW4: “Những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” là một đợt sinh hoạt chính trị quan trọng giúp toàn thể đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng tự nhìn nhận, đánh giá lại nhằm khắc phục những tồn tại, khuyết điểm; tiếp tục phát huy những thế mạnh và thành quả đã đạt được, đóng góp tích cực và hiệu quả hơn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Trường ĐHBK Hà Nội tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường theo Đề án “*Quy hoạch tổng thể Xây dựng và phát triển Trường Đại học Bách khoa Hà Nội giai đoạn 2006-2030*” đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) phê duyệt. Trường đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (15/10/1956 - 15/10/2011). Tập thể cán bộ, viên chức và sinh viên nhà trường đã tham gia tích cực vào việc thực hiện Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương về: “*Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo*”, thực hiện “*Luật Giáo dục đại học 2012*”... Nhà trường đã không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN), giữ vững và nâng cao vị thế của ĐHBK Hà Nội trong nước và quốc tế.